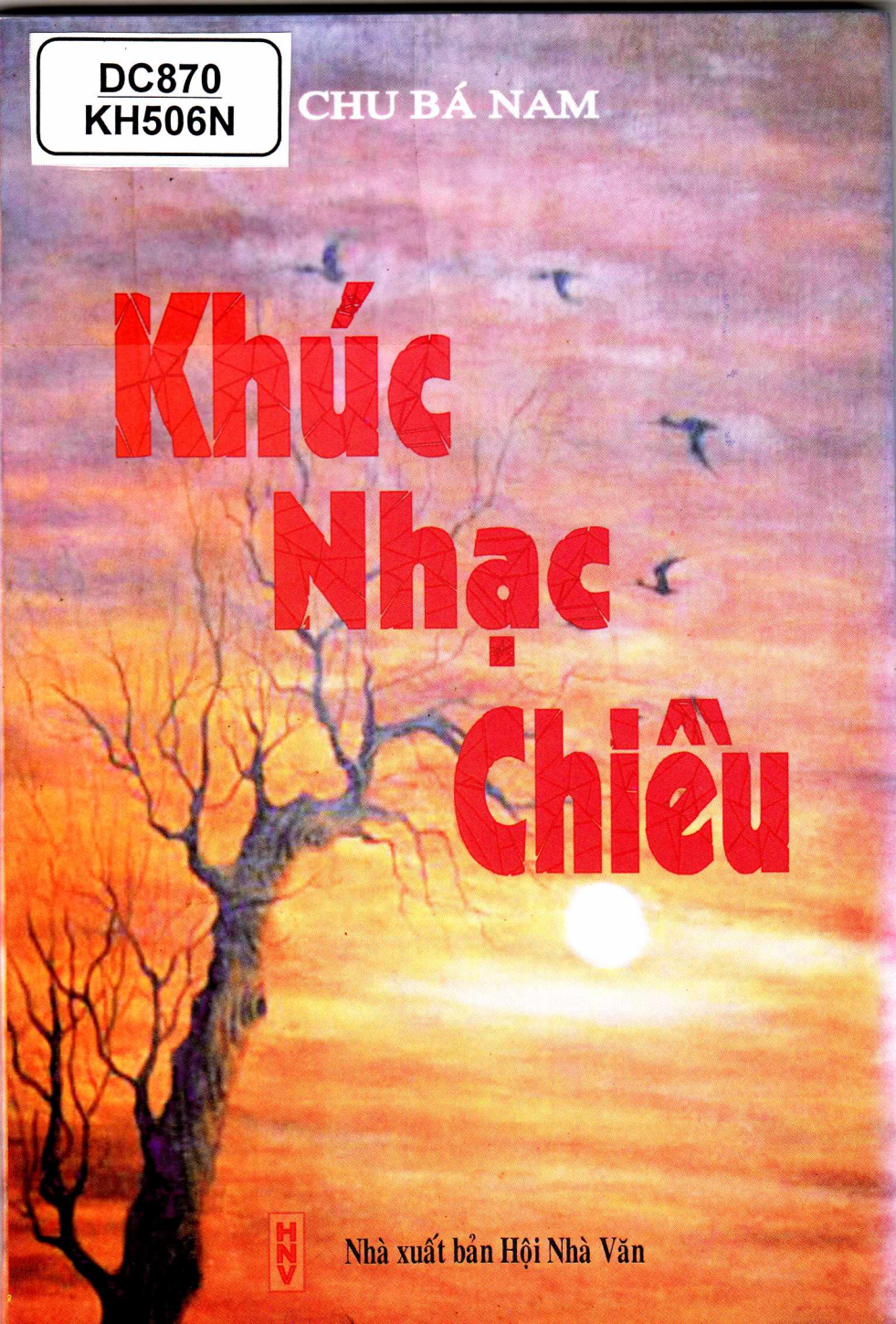


DC870
KH506N

CHU BÁ NAM

Khúc Nhạc Chiều



H
N
V

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn



CHU BÁ NAM

Sinh năm : 1944

Tại : Việt Yên - Bắc Giang

Học phổ thông :

Hàn Thuyên - Bắc Ninh

Công tác:

- Cán bộ nghiên cứu trường
Đại học Dược khoa Hà Nội.
- Chủ nhiệm khoa Dược
Bệnh viện Đông y Phạm
Ngọc Thạch - Lâm Đồng.
- Hội Văn học nghệ thuật -
Lâm Đồng.
- Về hưu tại Đà Lạt.

KHÚC NHẠC CHIỀU

CHU BÁ NAM

KHÚC NHẠC CHIỀU

Tập truyện ngắn

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
HÀ NỘI - 2005

BIỆT THỰ TITHONIA

- Ông sẽ bán bức tranh này chứ?

Một giọng Pháp quý phái vang lên sau lưng. Họa sĩ ngoái lại. Bà già ngoại quốc tóc bạc, trán nhăn, má vẫn căng hồng, khuôn mặt dài, vẻ nghiêm nghị nhiều hơn là phúc hậu, mắt nhìn thẳng qua mục kính lấp lóa. Tay cầm cọ, họa sĩ ngắm lại bức tranh vừa hoàn thành sau ba buổi sáng.

Mái nhà nhọn dốc đứng, trong lúc vẽ ông cứ thắc mắc không hiểu khi lợp ngói những người thợ sẽ phải đứng trên đó như thế nào. Ngói xi măng phủ một lớp rêu dày, giữ độ ẩm cho những cây trầu sinh lá tím mọc trên đó qua được mùa khô. Cửa sổ có vòm, lộ gạch đỏ

au với mạch xi măng chít kỹ như vẽ. Gạch không rêu, bám chặt lên nó là mạng cây vẩy ốc chi chít lá tròn và nhỏ thành một phần không thể thiếu của bức tường đầu hồi. Vẩy ốc thêu lên khung cửa sổ những nét độc đáo, hài hòa. Ông vẽ cốt để ghi chép các mảng đặc sắc ấy, chứ không như một tác phẩm hoàn chỉnh.

Biệt thự, theo đúng nghĩa, phải là một ngôi nhà khang trang, tọa lạc trên khu đất biệt lập nhiều cây xanh bao quanh. Đằng này thì chuồng heo, giàn su chằng chịt, vương cả mát. Những căn nhà cấp bốn, mái tôn, mái giấy dầu lóc nhóc, vây nghệt lấy ngôi biệt thự, chỉ chừa một hẻm nhỏ vòng vèo, khắp khóm, nước từ buồng tắm, nhà bếp hai bên chảy tràn từng đoạn lầy lội. Lều quán lúp xúp, nhà nào cũng có một ô cửa sổ kê tủ thuốc lá và treo lủng lẳng mì ăn liền, bánh kẹo đủ màu sắc. Khi ông đang vẽ có người quở: "*Ai lại đi xây cái nhà đẹp thế này ở giữa chợ!*". Ông đã cố làm mờ nhòa đi không gian quanh biệt thự cho bố cục đỡ nhức nhối, tức mắt. Tóm lại, có một mái nhà đẹp giữa một bức tranh toàn cảnh bê bối.

- Ông sẽ bán bức tranh này chứ? - Bà già nhắc lại một lần nữa bằng tiếng Việt khá sõi, mắt vẫn nhìn ông không chớp.

Sinh ra và lớn lên ở thành phố này, thành phố của trên 3.500 biệt thự nổi tiếng, ông thích vẽ nhà từ nhỏ và trở thành họa sĩ độc nhất trong nước chỉ vẽ nhà. Mỗi mái nhà là chân dung một gia đình. Nó cũng mang cái thần riêng, có số phận, có khai sinh, khai tử. Có họa sĩ chuyên vẽ biển, lại có họa sĩ chuyên vẽ rừng. Với ông, nhà là cái gì thiêng liêng lắm. Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, ông sang Pháp, sang Anh, sang Ý, cũng chỉ vẽ nhà. Ở Việt Nam, ông đi khắp ba miền, Bắc, Trung, Nam. Nào nhà cổ dài ngoẵng, năm gian hai chái, với mái cong cột tròn lợp ngói ta; nào nhà một gian hai chái miền Trung, đến những nhà mái lá đơn sơ giữa đồng bằng sông Cửu long. Nhưng thích nhất vẫn là thành phố quê hương ông, rừng núi điệp trùng, góc độ nào nhìn cũng đẹp. Tranh ông vẽ không bán, cũng không trưng, chỉ có ý định cuối đời sẽ làm một gallery các kiểu nhà, đông, tây, kim, cổ.

Chưa bao giờ bán tranh, song cũng có thể bán chứ. Ý nghĩ ấy chợt đến ngay sau câu hỏi.

- Vâng, thưa bà.

- Ông định bán bao nhiêu?

Tự nhiên ông thấy tiếc, mặc dù nó vẫn là của mình, vẫn còn đây, trong tay ông. Kinh nghiệm cho hay, vẽ lại là một việc buồn tẻ nhất và thường không được hài lòng như lần đầu. Đã bán không thể không nói giá. Ông nói đại cốt để khách lắc đầu bỏ đi:

- Một ngàn đô.

Nhường hai hàng lông mày, bà tròn mắt nhìn ông như có ý hỏi lại.

Đúng rồi, một ngàn đô. Bà không thể mua được đâu. Cũng có thể, với bà ngàn đô ăn nhằm gì, song với số tiền đó có thể mua một bức tranh giá trị hơn. Ông đâu phải là Trí, là Cẩn, là Phái?

- Tôi mua!

Bà lão tuyên bố, đếm tiền dúm ngay vào tay ông, rồi mời ông lại nhà. Bà dẫn ông vào đúng ngôi biệt thự vừa vẽ, và giải thích mới từ

Pháp sang du lịch, thuê ở đây một tuần, mai về. Hai người ngồi dùng cà phê cạnh lò sưởi sạch đến lạnh lẽo, tưởng như chỉ để trang trí cho phòng khách chứ chưa hề được sử dụng. Giữa trưa hè oi bức này, cái lò sưởi càng trở nên vô duyên, thừa thãi. Phòng khách rộng thênh thang, chỉ có một lọ hoa đặt trên cửa sổ và chân dung một người đứng tuổi treo tường.

- Cụ thân sinh ra tôi. - Bà lão giải thích khi mắt họa sĩ dừng lại nơi bức ảnh.

Ông nhìn bà như cố tìm ra những nét tương đồng. Bà lão cười:

- Bức tranh của ông đã tìm được người mua đấy. Ông bán không rẻ đâu, nhưng ông phát giá cao hơn nữa tôi vẫn cứ mua.

Đến lượt bà ngắm ông. Ngắm rất lâu, rồi nở nụ cười thân thiện, khó hiểu:

- Xin lỗi, ông là Nguyễn Văn An?

- Vâng! - Họa sĩ buột miệng, ngỡ ngác.

- Ông sinh năm 1920?

- Đúng! - Họa sĩ gật đầu xác nhận.

- Ông vào Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương 1942?

Họa sĩ gật đầu.

- Nhưng mà bà là ai?

Bà nhìn ông, cười mỉm:

- Là chủ cũ của ngôi nhà này. Ngôi nhà trong tác phẩm của ông.

Bà đã không nhầm ông với ai khác, song ông chưa hề gặp bà lần nào. Tại sao bà ta lại biết mình rõ đến thế? Ông lục lại trí nhớ. Hình như đoán được ý nghĩ của ông, bà tiếp, vẫn dưới dạng một câu hỏi:

- Ông có quen ai là Nhật không?

- Nhật? - Ông gọi thử, mắt ngược nhìn trần nhà, chớm chớp. - Không.

- Ông quên rồi. Bạn thời xa xưa kia.

- Aaa...! - Họa sĩ rạng rỡ nét mặt. - Nhớ rồi, nhớ rồi.

- Rất mừng là ông đã nhớ ra.

- Vậy bây giờ ông Nhật ở đâu? - Họa sĩ hỏi.

- Ông ấy mất rồi.

- Bà quen ông ấy?

- Tôi là vợ.

Im lặng trùm lên hai người. Nhật là hàng xóm cũ của ông năm mươi năm về trước. Hơn ông đến năm tuổi nên cũng không thân lắm, và từ khi ông ra Hà Nội học cao đẳng thì hai người không còn liên hệ.

Người đàn bà kéo ông lại góc phòng, cử chỉ bỗng trở nên thân tình. "Soạch". Tấm ri đô cùng màu với bờ tường thu về một phía, bức tranh sơn dầu khổ tám mươi, mét hai hiện ra như một trò ảo thuật. Họa sĩ há hốc miệng, kêu lên:

- Tranh của tôi!

Một ngôi biệt thự xinh xắn. Tán thông sẫm lại, loang lổ nắng, trên cành có vầy khô màu nâu nhạt, lác đác đung đưa là những chuỗi phong lan, cánh hoa rục rờ như bướm bay. Tiền sảnh lại bị che lấp bởi bờ hoa dã quỳ. Hoa dã quỳ tràn ngập một màu vàng tươi rói. Một cánh hoa rất gần, đặc tả bằng nhất màu cộm lên, tưởng chỉ với tay là hái được. Dã quỳ miên man

mãi sau biệt thự, nhỏ dần như những đồng tiền vàng ai rắc. Hoa quỳ bắt nắng soi kính cửa sổ đen bóng, sâu thẳm, bật lên sắc lửa. Cành mimosa nhạt lá màu xanh mốc xen lẫn màu ngọc bích tuyệt vời.

Cả hai đứng ngây ra giây lát.

- Tôi muốn ông dẫn đến biệt thự này.

- Thưa bà, có thể bà chưa tin, nhưng chính tay tôi vẽ.

- Tôi không nghi ngờ nó là của ông. Tôi chỉ muốn được ông đưa đến đó.

- Ngay bây giờ ư? Cho tôi nhớ lại đã...

Bà lão tháo kính, phá ra cười ngất.

- Đây, nó đây! - Bà vừa nói vừa chỉ xuống chân hai người.

- Villa Tithonia! - Họa sĩ thốt lên.

- Chính nó, chính nó.

- Trời ơi! - Họa sĩ ngửa hẳn người ra sau.

- Không thể ngờ được... Không thể ngờ được... - Bà xen vào bằng tiếng Pháp.

Sang Việt Nam bà tìm ngay đến phố này, nơi bà đã trải qua những ngày thơ ấu. Việc đầu tiên là tìm đến những nơi có rừng thông và dã quỳ, song bà đã thất vọng, vì chỉ có ở ngoại ô xa hút. Nhà bà ở ngay trong thành phố, bà đã từng đi bộ đến nhà thờ trung tâm. Hẳn là nó đã bị chiến tranh tàn phá. Tên phố đã thay đổi, người trẻ không thể trả lời những câu hỏi của bà. Ngày bà lần mò tìm kiếm, tối về khách sạn ngả lưng, hôm sau đi tiếp. Tức thật, tòa biệt thự nào phải chiếc kim! Cuối cùng thì bà cũng đã "khai quật" được nó, ngay trên mặt đất, giữa trung tâm thành phố.

- Tôi còn nhớ... - Họa sĩ chậm rãi - cổng biệt thự khá xa nhà, xây bằng đá với tám biển vuông: "*Villa Tithonia!*". Tôi sợ con becgiê nên đã đặt giá vẽ hơi xa.

- Ông biết không, con becgiê nhà tôi to như con bò. Nó dám đương đầu với hổ đấy.

Bà dẫn ông xuống dưới, vòng sang đầu hồi. "*Xưa kia ở đây có cái vòi nước*". Bà chỉ tám bê tông đúc dày đến tám phân xây bám vào tường. Góc tám bê tông có dấu bàn chân chó và

chữ ký của bà dưới chữ Tithonia. Vuốt ve tấm bê tông như thứ đồ quý giá, mắt bà chơm chớp, rân rân nước:

- Phát hiện ra tấm bê tông này, tôi mới tin mình đã không lầm.

Họa sĩ vừa nghe vừa cười thâm: "*Chính nhà của bà mà còn như thế thì sao tôi nhận ra?*".

- Trong tranh tôi có vẽ cái bệ xi măng này không nhỉ?

- Có, có. Cả cái vòi nước nữa.

Bà lại kéo ông lên lầu. Đúng là ông có vẽ, nhưng lúc ấy ông nghĩ nó là cái bàn giặt. Giờ bà cho biết xưa quanh nhà là rừng, mỗi khi đi săn về, họ xả thịt con thú ở chỗ này. Bà thích ăn thịt thú rừng nướng, nhưng sợ xem làm thịt, có lần khóc thét, ngất đi. Người lớn thường "*xua*" bà đi chơi, ra khỏi bờ dã quỳ, xong mới gọi về. Cả một triền đồi phía trước là hoa quỳ, và biệt thự vì thế có tên Tithonia.

Lạ thật, bức tranh đã không cánh mà bay từ mấy mươi năm rồi giờ lại xuất hiện. Đoán được ý ông, bà giải thích:

- Ông Nhật đã đánh cắp bức tranh này ở nhà ông, đem tặng tôi, tán tỉnh là mình vẽ.

Dù ông Nhật không thú nhận đi chăng nữa thì bà cũng biết. Ăn ở với nhau từng ấy năm, có bao giờ Nhật trổ tài vẽ. Suốt đời, tuyệt nhiên không một lời bàn về hội họa. Ông ta đã xóa chữ ký ở góc phải, phía dưới bức tranh.

- Đây là chữ ký của ông! - Bà soi bức tranh cho ánh sáng cửa sổ xuyên qua. - Ba hôm nay tôi ngồi nhìn ông vẽ, có thể nói là theo dõi ông. Canh chừng đến lúc hoàn thành, chờ ông đặt chữ ký vào bức tranh vừa rồi, xác định đúng là ông, tôi mới lên tiếng. Tôi đem bức tranh này về tìm ông để trả lại, theo lời di chúc của ông Nhật, chồng tôi.

1999

MẮT TƯỢNG NHÀ MỒ

Trong rẫy cà phê nhà ông có một ngôi mộ của người Thượng. Trên mộ có cắm một pho tượng nhà mồ. Thực ra, đó chỉ là cây gổ được đẽo gọt sơ sài. Nhưng con mắt của pho tượng cứ bắt ông phải chú ý. Nó mở to, chăm chăm nhìn ông, thật khó chịu.

Một lần đang làm cỏ cà phê, dừng tay cuộc, ông chợt nhận ra mình đã gặp cái nhìn ấy ở đâu. Phải rồi, đúng cái nhìn của thằng nhỏ bị đạn trong khu cứ hồi chiến tranh. Thằng bé sáu tuổi bị mảnh đạn pháo toạc miệng. Cô y tá khâu cho nó đến mười mũi. Ấy thế mà vừa mới khâu xong, cởi ba lô đưa cho mẹ nó nắm cơm, nó giằng ngay lấy, ngoạm nhai ngấu nghiến, máu tứa ra cả mang tai, hai mắt thao láo trừng trừng

nhìn ông. Mấy chục năm rồi, ông vẫn thấy nó đang nhìn mình. Có những cái nhìn lạ thật. Bận khác, vẫn mắt tượng nhà mồ, nhưng cái nhìn quả cảm, dữ dội như mắt chàng trai đóng khố, vùng lao phóng thẳng vào hâu con trâu mộng trong lễ đâm trâu. Bất giác, ông né tránh. Rồi một hôm, bắt gặp ánh mắt của một cụ già gùì than, ông giật mình: Đây mới đúng là mắt tượng nhà mồ. Đôi mắt sáng mở to, đầy vẻ nhẩn nại.

Từ ngày về hưu, ông mất hẳn thói quen dậy sớm. Một phần vì cứ hai giờ sáng là thức giấc, dậy đi tiểu, pha ấm trà, rít điếu thuốc lào, cứ thế tỉnh như sáo, gần sáng mới lại thiếp đi. Ông có nhiều giấc ngủ trong một đêm. Nói là dậy sớm cũng đúng, mà dậy muộn cũng đúng. Ông bảo miễn núi bây giờ không còn sương mù, thực ra thì vẫn có, nhưng tan sớm hơn, trước khi ông ngủ dậy. Chẳng có việc gì phải cấp tập, lại ngại gió, ngại lạnh, ngại xe cộ.

Sớm nay ông ra ngoài. Từng tốp người lầm lũi trên đường phố lạnh lẽo lúc mờ sương. Ai nấy đen như đất, không rõ tuổi tác, không phân biệt nổi dân ông hay dân bà, trên lưng là

những gùi than hay củi thông lút đầu. Người lớn gùi lớn, cháu nhỏ gùi bé, cứ thế chân đất lạng lẽ tiến vào chợ. Ở đó, những người bán than đến sớm hơn đang quây lại quanh đồng lửa để chống chọi với giá buốt cao nguyên khi trời chuyển sáng. Những bàn tay xù xì như gỗ xòe ra, hươ trên ngọn lửa da cam quánh khói. Họ ngồi bệt, chân dẹt, mặt ngửa về phía sau. Có người nằm ngủ duỗi chân vào trong. Gùi than, củi ngo, bí đỏ... xếp thành vòng bên ngoài. Ông biết, chiều chiều mặt trời lặn họ lại ngang qua nhà ông, gùi trên lưng trống hoác, hoặc có gói muối, gói cá khô nhẹ xọp. Trăng lên có khi mới rời thành phố, cụ già thì gậy dài, trẻ con thì gậy ngắn, cứ thế lóc cóc, lóc cóc, về được đến buôn chắc cũng phải gà gáy. Buôn bây giờ xa. Người Thượng không thể sống thiếu cây, thiếu rừng. Rừng lùi sâu mãi, và người Thượng cũng lùi xa thành phố. Họ đi, để lại trên mảnh đất cũ những phần mộ của tổ tiên, cùng những tượng nhà mồ rải rác trong các nương rẫy ngoại thị.

Sống trong rừng, người Thượng không thể không khai thác tài nguyên rừng. Khai thác kiệt thì tương lai sẽ chết, mà không khai thác thì

chết ngay. Ông khuyên họ định canh định cư. Họ nghe ra. Bảo trồng chè, ừ thì trồng chè. Mùa thu hoạch tư thương ép giá, ức quá đổ cả ra đường. Bảo chuyển sang trồng dâu, ừ thì trồng dâu. Đến khi tơ xuống không xuất được, dâu gọi cho không ai thèm hái. Nay lại khuyến khích cà phê. Nào thì cà phê. Dân tốt đến thế là cùng! Nguyên là một căn bộ dân vận, ông làm ngơ sao được.

Cặp mắt tượng nhà mồ lại hiện lên.

Lâu nay ngôi nhà được hóa giá của ông đã biến thành câu lạc bộ cờ tướng của mấy cụ về hưu. Căn phòng sặc mùi khói thuốc, bước chân vào như chui vào ống điếu. Bốn bức tường ố màu vàng khệch. Trần thì ôi thôi, quá, tẻ nóc bếp, bồ hóng khói thuốc mới đáng sợ làm sao. Bước ra đường, quần áo sặc mùi buồn nôn, gặp ai cũng phải quở. Họ nghiện thuốc, nghiện cờ, nghiện nhau. Ngày nào không lui tới không chịu được. Có khi nhâm nhi ly cà phê, ngẫm nghĩ sự đời, phàn nàn nhân tình thế thái. Có lúc cũng tranh luận, cãi cọ, côm tấm kể chuyện triều đình. Chán thì xem ti vi, ngủ. Mới nhận được

lương hưu, hứng lên liu riu vài ly, cao giọng đọc mấy vần thơ châm.

- Nay thì tao phải phục thù - Một ông lão chống gậy đứng ngay cửa. Lão muốn yêu cầu ông chơi cờ tiếp hôm trước.

- Nay thì tôi bận.

- Bận? Hì hì... - Lão ngấm ông, hơi lạ.

Con cái lớn cả, mỗi đứa mỗi phận, nó có thân nó lo. Tháng mấy "trăm" lương hưu, tiền thương tật, tiền có công... đau ốm có bảo hiểm. Còn việc gì nữa? Hạp hưu, hạp dân phố thì lảng, tháng nghe thời sự một lần, giáp tết có mấy cái đám cưới, đám tang, thế thôi.

- Tôi bận thật mà.

Lão phá ra cười lớn, lay lay vai ông:

- Lực bất tòng tâm. Quan tha chờ ma bắt. Sáng đến trưa còn chẳng ăn ai. Kệ, đến đâu hay đến đấy.

"*Bận thật mà*". Ông lẩm cẩm nhắc lại, pha trà mời lão ngồi đợi các ông bạn già sắp tới rồi xin phép lên rẫy.

Elnino!

Mấy tháng trời không một giọt mưa. Đất badan biến thành thứ bột đỏ, tiếp tục bị nung nóng dưới mặt trời thiêu đốt. Giếng đào, giếng khoan, sâu đến chóng mặt, đen ngòm như đường xuống âm phủ, mức lên vẫn chỉ một thứ bột. Tán cà phê đang biếc, óng ả, đầu mùa vội ước tính năng suất, giờ tấp đi thăm hại. Lá bóp giòn trong lòng bàn tay. Gió thổi ào ào, lả tả như lá tre khô, tro những cành hình xương cá, bẻ gãy càng cắc. Đứng trong rẫy cà phê nghe hơi thở của mình khô khốc. Năm ngoái mất mùa mà cà phê lại xuống giá. Trả hai mươi tiếc không bán. Phơi khô đến năm nay, mười bán chẳng ai mua. Không phơi thì mốc, sậm màu người ta chê. Mỗi lần phơi, ba tạ hao năm ký, càng phơi càng nguy, mệt xác. Mười ngàn một khối nước tưới, rồi hai mươi, năm mươi... nước trở thành dịch truyền của cà phê đang thoi thóp trong giờ phút lâm chung.

Mất tượng nhà mồ nhìn xoáy tim ông, diễu cợt. Ông cúi gằm. Đất dưới chân nóng bỏng.

Những người đào giếng nằm ngửa mặt lên trời, mặc cho nắng thiêu đốt. Mệt mỏi, rã rời vì thất vọng, chẳng ai thèm đung cựa, y như thây người chết ngổn ngang trên đất mới. Ông dậm chân: "*Nước! Nước!*".

"*Đạ Dâng*" - Cái tên trái núi này bỗng trở nên mỉa mai, hài hước hơn bao giờ hết. "*Đạ*" là nước, theo tiếng dân tộc. "*Dâng*" là ở dưới. Ở dưới có nước. Thung lũng khoan còn chẳng thấy nữa là trên núi! Ông lầm nhấm một số địa danh quen thuộc, nơi đã từng công tác dân vận trước đây: Đạ Tẻh, Đạ Oai, Đạ Sa... "*Đạ*", "*đạ*", cứ "*đạ*" là có nước. Đâu phải DALAT là ghép những chữ đầu của câu La tinh: "*Dat Alliis Laetitium Alliis Temperirum*" có nghĩa là "*Cho người này niềm vui, cho người khác sức khỏe*". Nó là dòng nước của người Lạch.

Ông chỉ cây ngo cao to vạm vỡ đứng trơ trọi lưng chừng núi, tán lá còn xanh và bảo mọi người đào giếng cạnh đó. Bất ngờ, vừa bầy tảng đá màu gan gà, thì một tiếng nổ: "*Ừng!*". Đám đông hoảng loạn ngỡ là núi lửa hoạt động trở lại. Một con rồng trắng vút lên trên ngọn ngo.

hình phễu dồn vào lòng núi có vĩa quặng boxit bao bọc thành một túi nước dự trữ khổng lồ được dịp thoát ra. Nước mát tràn lên những đôi vai trần, ào ào chảy xuống rẫy cà phê gần nhất, tìm gặp từng cây sắp chết khát.

Phóng viên báo - đài, máy ảnh, camera lũng củng ào đến săn tin, xúm đen xúm đỏ.

- Thưa ông, ông phát hiện ra nguồn nước bằng cách nào ạ?

Ông không trả lời. Nhìn tượng nhà mồ, tượng nhà mồ nhìn đám đông.

- Thưa ông, cũng có thể bắt đầu vài lời về tầm quan trọng của nước chẳng hạn - Một nhà báo giục, chìa micro tận mặt ông.

Ông nhếch mép cười: Biết rồi, là máu của sự sống. Nói mãi. Là nguyên liệu rẻ tiền, dễ kiếm, nhưng không thể thay thế. Không thể thay thế là cái chắc, chứ bảo rẻ thì không rẻ đâu. Lại còn dễ kiếm ư?

- Dạ, hay ông cho biết tầm quan trọng của rừng?

Bây giờ còn nói tầm quan trọng của rừng. Rừng hết mới bàn đến tầm quan trọng!

Bây giờ còn nói tầm quan trọng của rừng.
Rừng hết mới bàn đến tầm quan trọng!

- Sao ông không nói? Hay là ông không nói được? Ông có nghe được câu hỏi của chúng tôi không?

Một nhà báo khẳng định ông không câm. Về hưu rồi có hôm còn giành micro cướp diễn đàn khi nghe anh ta báo cáo thời sự. Hai phe bốn mâu thuẫn, đối đầu, đối thoại, khó khăn thuận lợi, tình hình trong nước, tình hình thế giới. Con số nhớ vanh vách. Từ cuộc gặp gỡ tay ba Hainơ, Sợcsin và Mutsolini ở đảo Coocsơ trong đệ nhị thế chiến, đến người tình của Hitle, giai thoại về Giang Thanh - Mao Trạch Đông. Thượng vàng hạ cám, ông thao thao bất tuyệt đến kiến trong lỗ cũng phải bò ra.

- Sao ông không nói? Thưa ông! - Người ta phát câu, bấy giờ ông mới nở nụ cười:

- Có thuốc lào cho tôi bắn một điếu! Ông vê vê mấy đầu ngón tay.

Giữa chốn thâm sơn cùng cốc này, nom ông như một nhà hiền triết. Họ kháo nhau chắc

ông phải cỡ thiên kinh vạn quyển, trên thông thiên văn, dưới tường địa lý.

Ông ngửa cổ, tròn miệng nhả khói, tay chỉ tượng nhà mồ:

- Cứ nhìn vào mắt của nó!

1998

VUA RẮN

Cửa sông mệnh mang, khi rộng khi hẹp, lúc trong lúc đục, êm đềm đổ ra biển mãi miết theo năm tháng. Từ biển Đông vào cửa sông đi ngược về phía tây, dòng hẹp dần, ghềnh thác, lên đến thượng nguồn thì thắt lại thành dòng suối nhỏ. Ngược dòng suối chỉ còn là một cái khe có thể bước qua. Khe này là thượng nguồn của dòng sông, chia thung lũng rừng đầu nguồn ra thành hai. Mùa khô nhìn mới rõ, nước rạch chảy trong vắt, ri rỉ như nước ngầm. Mùa mưa nước dâng trong lòng thung thành hồ lớn, thung lũng chừng mười mẫu, sinh lầy, cỏ lác với những bụi cây tầm tầm là lãnh địa của những loài rắn từ thuở hoang sơ.

Cũng như cây cỏ, rấn ở đây không bàn đến tên, vì chúng quá nhiều, nhưng nhúc, từng đông mỗi mùa động dục. Đất đã sốt ngay cả trên miền thượng, song cứ nhắc đến thung lũng rấn thì dân khai hoang phải chấp tay vái. Rấn nằm mơ màng trên cành cây ngang đầu người, rấn loằng ngoằng mỗi bước chân đi, bỏ một nhát cước, trứng rấn trắng như nấm rạ. Đặt chân vào thung lũng là chui vào lồng rấn. Dân địa phương cấm ai dám lai láng, người lạ không biết, đi mấy bước đã gặp hàng chục con rấn nghển cổ nhìn mình thì chỉ còn cách lạng lẽ quay ra.

Đùng một cái, có gia đình hai vợ chồng ba đứa con đến dựng nhà trên gò đất giữa lòng thung! Đó là gia đình Vua Rấn dưới đồng bằng nơi cửa sông. Vua Rấn lên với lý do đơn giản là bảy đời nay chuyên nghề bắt rấn mà vùng quê bây giờ bói không ra một con, lấy đâu đất dựng võ.

Bằng cách nào không hay, mỗi ngày Vua Rấn vác một bao khệ nệ ra ngoài ngã ba bên xe quảng đánh ịch. Ai hỏi "gì đấy?", hấn nhả điều thuốc rê cháy gần hết, bóp bẹp giữa hai đầu ngón tay, hất hàm về phía đồng bao tải lưng

nhùng: "*Rắn mà*" (!). Khái niệm về rắn đối với hắn đơn giản, tự nhiên lắm, không gớm ghiếc như ta tưởng. Con rắn trên tay hắn đại loại như con cá, cọng rau vậy. Có lần, một con chui ra nghển cổ bò, đám đông hét lên ré chạy. Vua Rắn quay lại mắng thẳng con đi theo: "*Nhặt vào, mày còn đứng ngây ra đấy à?*" Thằng nhỏ đuổi theo tóm lấy cổ con rắn nhét vào bao. Ai nấy chết khiếp. "*Mày không sợ nó cắn à?*" - Một bà lên tiếng hỏi. "*Cắn thế nào được, đã nắm cổ nó rồi...*" (!). Đám đông chỉ còn biết nhìn nhau mà cười. Dần dần người ta cũng quen, không bàn chuyện rắn nữa. Thỉnh thoảng có người lại hỏi, họ cũng chỉ hất hàm: "*Rắn mà*".

Mười năm sau, chính Vua Rắn phải than rằng người khôn của khó, bây giờ phải săn tìm, chẳng còn vợ được rắn như ngày mới đến. Có hôm lòng sục từ sáng đến tối không gặp một con, hắn bỗng thốt lên: "*Vô lý, chẳng lẽ hết thật?*" Hắn chỉ bắt toàn con to, còn những con nhỏ chúng biến đâu?

Vua Rắn lững thững bước dọc theo lạch nước, lần đầu tiên hắn nhận ra mùi thuốc trừ sâu nồng nồng. Trà, cà phê từ sườn núi bên kia đã

leo lên tận đỉnh. Thuốc sâu từ nường rầy phía trên dồn xuống, cá, ếch nhái nổi trắng, lênh bênh. Cạnh một ổ mối khổng lồ, hai con hổ mang đang quần nhau, phì phì như tiếng mèo. Hai cái đầu dèm dẹp vươn cao phải đến gần mét từ từ tiến sát lại. Con nhỏ hơn cuộn mình như lò xo, rồi oạch một cái, văng ra phóng thẳng về phía đối thủ. Lúc này Vua Rắn mới nhìn rõ con thứ ba, hẳn là con cái, đầu không vươn cao, lẳng xẵng phía ngoài, cứ xông vào lại lùi ra, lúc bên này, lúc bên kia. Bỗng nghe "bộp", đầu con nhỏ như một mũi tên phóng trúng miệng con lớn đang ngoác rộng. Thì ra con lớn đã đớp gọn. Hai cái đầu lồng vào nhau. Hàm con lớn bạnh ra, ép lại như muốn nuốt chửng con "mồi", một tình địch gần bằng mình! Thân con nhỏ xoắn lấy thân con lớn, cái đuôi cong cứng, giật giật liên hồi trước khi nhào ra bất động. Vua Rắn xông tới nhưng con lớn đã kịp thời nhả ra cùng con cái tháo chạy.

Buổi trưa, Vua Rắn nằm khểnh trên giường bỗng nghe tiếng hụ của con gà mái đẻ. Tiếng hụ trầm, dứt quãng. Cái dấu lặng giữa những tràng hụ ngắn ẩn chứa nỗi kinh hoàng.

Tai họa đang hiển hiện âm thầm, mãnh liệt và đầy bí hiểm. Thời gian đang được đo bằng tiếng đập của trái tim. Nỗi kinh hãi khủng khiếp sẽ òa vỡ trong tiếng quát sinh tử rợn người. Vua Rắn dụi mắt bước ra. Người đen chũi, đóng chiếc quần xà lỏn, chắc nung núc. Với hắn, dù ghê gớm hệ trọng đến mấy đã biết là xong, là coi như được giải quyết, có gì phải vội. Chợt ánh mắt Vua Rắn sáng lên tinh quái: *"Ái chà, đây rồi, có thể chứ!"*... Con hổ mang chui vào chuồng heo bằng cái ống dẫn nước thải, thò đuôi ra ngoài. Thân xám chì, hình tam giác, đuôi bất ngờ thắt lại như bị cộc. *"Tưởng ai, cuối cùng chúng ta lại gặp nhau"*. Vua Rắn thích thú nhấm nháp cái cảm giác sắp chộp vào mình nó. Thân nó mềm, da khô, sạch chứ đâu có trơn tuột bắn thủ như da lươn. Có mà chạy đằng trời! *"Đại thế con ơi, lại chui vào cái ống sắt dẫn nước này?"*

Cách xử trí tình huống đến tự nhiên như một phản xạ, hắn nắm chặt cái đuôi kéo ra từng đoạn, từng đoạn. Hắn đã kéo được đến hai sải mà xem ra vẫn còn nhiều. Chẳng biết vì phần trên luôn bị ống sắt kéo ra thẳng đuồn hay linh

cảm thấy đang trong tay cao thủ mà con rắn cứ ngoan ngoãn không giãy giụa. Đống thân được lôi ra, oằn lại cuộn lấy chân hấn một cách yếu ớt. Chỉ đến khi đuôi nó ngóc lên chọc chọc vào bẹn, hấn mới với tay bẻ gập một cái: "*Hồn này!*" Hấn vừa kéo vừa pha trò. Thân rắn bắt đầu nhỏ lại, bây giờ là lúc phải thận trọng. Còn một đoạn thắt ở cổ nữa là tới đầu. Hấn sẽ phải bóp chặt gáy nó bằng những ngón gọng kìm. Nhưng... một tiếng thét kinh hoàng. Vua Rắn buông tay, ngã vật. Con gà mái trong ổ bung ra quang quác. Con hổ mang cái đi kèm đã thành công trong việc giải thoát cho "*chồng*". Nhưng bản thân nó phải nhận một nhát dao phát ngọt sớt từ tay vợ Vua Rắn vừa đi rầy về. Máu phun đầy mặt người đàn bà. Bà về đúng lúc nhưng vung dao hơi chậm. Miệng hổ mang cái đã đớp gọn cái bừa lủng lảng của Vua Rắn. Cặp móc độc dài bằng đốt ngón tay, cong như lưỡi câu cắm ngập hết cỡ. Khi vợ Vua Rắn lôi xác chồng ra thì cái nửa thân trên của con rắn đầy máu me, như con cá lóc vừa bị chặt đứt vẫn lẳng nhẳng bám lấy "*của quý*" không chịu nhả. Chắc nó biết, một cú đớp như thế chẳng cần nọc độc đủ

làm tiêu trời Vua Rắn và hả dạ với cái chết của mình.

Thung lũng rắn giờ chỉ còn lại con hổ mang "*góa vợ*", một người đàn bà góa với ba đứa con thơ. Gia đình Vua Rắn quyết định dời đi nơi khác, song chuyện nhà cửa đâu phải muốn mà làm ngay được. Đêm đến, mặt trời xuống núi, cả nhà lên giường, gài màn thật kỹ, không dám thò chân xuống quờ dép đi giải. Ba ngày sau, trên mâm cơm im lặng, bốn chiếc khăn tang chum vào nhau. Chợt thằng út kêu lên thất thanh: "*Rắn!*".

Con hổ mang chúa lừng lững tiến thẳng vào từ cửa chính, hiên ngang như sắp làm một việc nghĩa, sắp thực thi một bản án tử hình. "*Phì... phì...*". Nó nghểnh cao đầu, miệng như miệng ếch. Lưỡi phun ra tia chớp, lấp lánh kim loại. "*Tao sẽ phải đích thân thi hành án*", hình như nó muốn tuyên bố như vậy, "*trời chết cũng cam lòng*".

Hồi kết đã đến. Cả con người và con vật đều sẵn sàng. Con rắn vẫn cứ tiến vào, không nhanh hơn, không chậm hơn, đầy tự tin. Đầu đã

đến mâm cơm mà đuôi còn ở giữa sân. Nó khéo léo thu mình lại, cuộn mấy vòng thành một đống đen sì lù lù giữa nhà, đầu vươn lên ngang tầm mấy chiếc khăn trắng. Bọn trẻ dân ra chưa kịp phản ứng. Lạ thay, con rắn không mổ ngay, nó đưa mắt nhìn khắp lượt, nhìn từng người như để nhận dạng. Nó biết, nó sẽ phải dành trọn khối nọc độc thù hận này cho ai, và chỉ được phép mổ một lần.

Đến vợ Vua Rắn nó dừng lại. Bốn mắt nhìn nhau. Vợ Vua Rắn thấy rõ hai chấm mắt của nó hình như không cân. *"Đúng, mắt tao hơi lác đấy! Nhưng vẫn đủ nhận ra kẻ đã chém đứt đôi vợ tao. Con đàn bà kia, mày sẽ phải đền tội!"*. Mắt rắn lạnh tanh tuyên án. *"Mày hãy nhìn thẳng vào mặt tao đây, trước khi lãnh một cú đớp ân huệ!"*.

Vợ Vua Rắn trừng trừng nhìn vào cái cổ bạnh của nó với những vạch ngang đều đặn màu ngà ngà. Rắn chừa hơi ngả đầu về phía sau để lấy đà, thừa cơ người đàn bà chồm tới, hai tay chẹt ngang cổ nó. Buông là chết. Toàn thân rắn và người căng ra, một mất một còn. Đầu con

rắn bị vít xuống, đóng thân vùng vẫy. Mâm cơm tanh bành. Ba đứa con mỗi đứa một đoạn thân ghì chặt. Cái sức mạnh sinh tồn thật khủng khiếp. Bàn tay phải người đàn bà bóp cổ con rắn ề ra. Miệng nó ngoác rộng, cạp vào thành mâm. Hai răng cửa như vuốt cạp khực khực gãy. Nọc độc tứa ra nhớt nhát. Mấy con ruồi vô phúc sà vào lập tức chết cứng như bị điện giật. Thằng cả tháo vôi khăn tang luồn dưới cổ rắn, thắt lại, nhưng hổ mang chúa đã chết nghệt trong bàn tay người đàn bà từ lúc nào. Cả nhà nhìn con rắn lớn quá sức tưởng tượng, rùng mình. Từ đầu đến cuối không ai hé răng, miệng đắng ngắt, mặt cắt không còn hột máu.

Cái ca khúc bi tráng của sự sinh tồn vang lên trong gió.

2001

MINH TINH MÀN BẠC

Gò má hơi cao đỏ ửng như bị xúc phạm. Ở hay, thì tôi trang điểm một chút đã sao. Ông nên nhớ, làm dáng, trang điểm là nhu cầu bẩm sinh của phụ nữ, bất kể lứa tuổi nào. Bà Loan đấy, trước khi nhắm mắt còn nhờ tôi đánh môi son má phấn, chải tóc gọn gàng để người ta đến viếng ngắm bà lần cuối. Tôi đang sống mà, tôi còn khỏe mạnh, yêu đời, sao bước chân ra khỏi nhà lại phải chịu úi sùi, lôi thôi, lếch thếch. Sống với tôi bao nhiêu năm, kể cả trong chiến tranh, thời kỳ bao cấp, ông chẳng thấy bước ra ngoài bao giờ tôi cũng soi gương, chải đầu, thoa một lớp phấn nhẹ như nước da thật của tôi hồi trẻ. Tôi đã bắt gặp ánh mắt soi mói của ông trong gương rồi. Khi tôi ngoái lại ông sẽ khép

mắt vờ ngủ, tôi đánh tiếng trước khi đi ông cũng làm như không nghe thấy. Nghĩ là nghĩ vậy thôi chứ đại gì làm ông ấy bức mình. Sáng hôm sau cũng đúng giờ đó bà Lê ôm bọc áo quần, xách chiếc dù Trung Quốc màu xanh lơ đi ra. "*Trang điểm đi đã chứ (!)*", từ trong nhà, một câu nói mát đuổi theo. "*Cám ơn ông*", nét mặt giận dỗi của bà tan biến ngay. Bà ép chặt bọc quần áo vào nách, chân bước đi không vui, không buồn. Mọi khi vào giờ này, bà đã tòng teng đôi quang xảo với những mớ rau muống, ngọn su hái từ vườn nhà, bán rong qua các ngõ phố. "*Ai rau muống ngọn su dê*"... Tiếng "*dê*" kéo dài và tắt dần có thể hiểu là "*dây*" cũng được, thật trong, lạnh lót đặc giọng Hà Nội. Bà theo bố mẹ vào Đà Lạt từ thời thuộc Pháp mà nghe như mới ở Hà Nội vào hôm qua. Nhất là tiếng "*vâng*", "*vâng*" chứ không phải "*dạ*". Tiếng "*vâng*" của bà còn Hà Nội hơn cả Hà Nội, ngọt ngào lắm, dễ nghe lắm, không thể tả được. Với ngữ điệu cao dần lên và hơi kéo dài cùng nụ cười nở rộ biểu lộ sự đồng tình và khuyến khích người nói. Hình như bao giờ bà cũng đứng về phía người đang nói chuyện với mình. Hôm nay bà đi đóng

phim. Thật đấy, hôm qua có trục trặc kỹ thuật nên đóng hạt. Hôm nay mà chẳng đâu vào đâu nữa thì mai lại tiếp tục gánh rau. Kể được đóng vai người bán rau dạo cũng hay.

Không, bà đóng vai một mệnh phụ phu nhân.

Một người đàn ông đứng tuổi đội mũ phớt, tay phải chống ba toong, tay trái khoác cánh tay bà. Bà mang áo dài màu huyết dụ làm nổi bật chuối hạt đeo cổ, đi guốc cao gót, mái tóc vẫn để như thường ngày. Họ bước chầm chậm, sóng đôi trên con đường thoai thoải giữa rừng thông về phía một biệt thự gần đó. Trưa nắng, ngồi giải lao ăn bún riêu giữa rừng thông chuyện trò rôm rả. Toàn những U 60, U 70 cả mà như còn trẻ lắm. Bốn bà, bà Chi bà Lan, bà Hoan bà Lệ, bà nào cũng đẹp, cũng duyên dáng. Hình như cái đẹp tự nó được bảo hiểm trước thời gian. Con gái bây giờ chỉ đẹp nhố nhăng thôi, sao nền nã bằng các bà.

Cô hàng bún giấu mái tóc bà Lệ. Đường ngôi rẽ thẳng, chính giữa, đuôi tóc vấn trần cuộn thành vòng ốp chặt ngang đầu. Thời của

bà rẽ ngôi lệch là không đoan trang, thiếu đứng đắn, bị đánh giá ngay.

- Tân thời đấy. - Một bà lên tiếng.

- Khỉ ạ!- Bà Lệ quất nhẹ cái khăn tay vào vai bà bạn. - Thử quay lại thời Tự Lực Văn Đoàn xem.

Ở nhà, chồng bà Lệ lo cuống lên, không biết bà đi đâu, cứ úp úp mở mở. Chẳng lẽ sắp kê miệng lỗ còn tí tởn. Có cái gì đó thôi thúc làm ông bật dậy khỏi giường, chống gậy ra ngoài. Bà Lan gặp ông ngang đường không tin vào mắt mình, cất tiếng gọi. Ông không ngoảnh lại được, phải chống gậy xoay từ từ cả người như người mù. Sau khi nghe ông phàn nàn bà cười mỉm: *"Thế bà ấy bí mật với ông à? Máy bà đi đóng phim đấy. Bà ấy là người đường hoàng. Ông về đi kéo lọng khộm cái thân già lại gãy chân gãy tay thì khổ. Tuổi mình "bổ" là "hạ thổ" đấy ông ạ". "Nhưng mà bà ấy đóng phim ở đâu? Với ai?". "Với hoàng tử Hăng-Rét!". Bà Lan làm ra vẻ bức mình bỏ đi.*

Mấy buổi đi sớm về muộn, đóng phim ngoài trời, bà Lệ bị cảm lạnh. Một hôm có

người mặc veston, trong bận gilê kiểu ngày xưa, đầu đội mũ phớt, tay chống can, tay xách túi cam đến hỏi thăm bà Lệ. Ông lạnh nhạt: "*Tôi đâu biết*". Ông khách ngạc nhiên bảo nghe tin bà ấy ốm, chẳng hiểu nằm viện ở khoa nào, giường nào. "*Có phải ông trong tốp đóng phim không?*" "*Dạ phải*". Chắc đây là hoàng tử Hăng - Rét. "*Giường nào thì ông phải rõ hơn tôi chứ(!)*" Nói chưa hết câu ông quay mặt úp vào tường.

Bà Lệ không ốm, chỉ sơ sơ thôi, lại được trợ lý đạo diễn mời đi đóng phim khác, mà chỉ mời một mình bà, nên không tiện nói với các "*diễn viên*" còn lại. Khi về ông cứ bắt bẻ bà:

- Bà đóng phim gì?

- Nào có biết phim gì.

- Bà nói lại...

- Thật đấy, người ta bảo đứng thì đứng, bảo đi thì đi.

- Kể cho tôi một cảnh trong phim xem nào.

- Trời ơi, có cái anh đầu tóc thì rũ rượi như người rừng, ngồi thối sáo dưới gốc cây, lá

vàng rơi phủ cả lên đầu lên vai. Rõ là anh chàng thất tình.

- Thế bà đóng vai gì?

- Tôi chỉ đi đi lại lại phía sau.

- Đi với ai?

- Thôi ông đừng hỏi nữa.

Kể cũng tội cho bà Lệ, chả là thế này: Một hôm bà Lan gặp bà bán rau ngoài phố rĩ tai là cậu trợ lý đạo diễn nói với bà: "Bà trẻ, bà trẻ ơi, mai bà đi đóng phim với cháu, có tiền đấy. Bà gọi cả mấy bà đem đẹp của bà cùng đi". Khi gặp đạo diễn thì người ta không chọn bà Lan mà lại chọn bà Lệ, vì bà Lệ không phi dê tóc mà vấn trần. Phó đạo diễn bảo quay sau lưng các bà kia một tý, nhưng đạo diễn từ chối nốt vì họ đều mặc đồ Tây. Thế là bà Lan xịu mặt: *"Thôi, tôi không có duyên, bị ống kính từ chối"*. Đã thế khi chồng bà là người đội mũ phớt, khoác tay bà Lệ thì bà Hoan áp tay lên ngực bà bảo xem thử tim có đập mạnh không. Vớ vẩn, bà Lan hất tay ra không thèm nói, và hôm sau mời cũng tự ái không đi nữa.

Phim thứ hai, bà Lê được đóng vai hoàng thái hậu. Đạo diễn nói thế bà cũng biết thế chứ không rõ tên phim. Căn cứ xiêm y thì là hoàng thái hậu thật. Áo dài cổ đứng màu vàng, có thêu rồng phượng. Bà bước xuống kiệu, một nhóm cháu gái đi picnic xúm lại:

- Hoàng thái hậu ký cho con một chữ.
- Má cho con xin chữ ký.
- Bà là minh tinh màn bạc gì đấy ạ?

"*Minh tinh màn bạc*" không có card, cầm bút do chúng dúm vào tay, ký đại vào những mảnh giấy xé vụn. Dưới mỗi chữ ký loằng ngoằng là dòng chữ: "*Minh tinh màn bạc Công Tằng Tôn Nữ Mỹ Lệ*". Ký vui ấy mà.

- Má thuộc dòng họ nhà vua rồi.
- Vâng. Thế mới gọi là hoàng thái hậu. Má còn đi thi hoa hậu cùng Nam Phương Hoàng Hậu cơ.

- Má có biết ông Bảo Đại không?
- Ông Bảo Đại yêu bà Mộng Điệp, bạn của má.
- Thế á? Vậy bà Mộng Điệp phải đẹp lắm.
- Tất nhiên rồi.

- Má mới ở Pháp hay ở Mỹ về?

"*Minh tinh màn bạc*" đánh trống lảng, gạt lia lia. Các cháu chen lấn đứng sát "*minh tinh màn bạc*" để chụp hình.

Hôm nay là một ngày vui. Về đến nhà chồng bà làm lành. Ông kể có một thằng nhỏ đến đưa cho hai chục ngàn. Thế cũng bỏ, hơn là đi bán rau, cứ tưởng cơm nhà vác tù và hàng tổng.

- Hôm nay bà đóng vai gì?

- Hoàng thái hậu.

- Hoàng thái hậu chắc phải một trăm. Kể mỗi tháng được gọi đi đóng mấy lần cũng đỡ.

Bà vui lây:

- Thôi, được buổi nào hay buổi ấy ông ạ.

Theo như ông tả thì thằng nhỏ chính là trợ lý đạo diễn. Sao nó không đưa tiền cho bà mà lại phải đến tận nhà. Bà Chi, bà Hoan bảo chẳng nhận được đồng nào. Gặp nó cứ cười nhơn nhơn. Các bà đùn đẩy nhau: "*Bà đi mà hỏi*". Nó bằng tuổi cháu mình chẳng lẽ hỏi xin vài đồng bạc. Một tuần, rồi hai tuần, không thấy

động tĩnh gì. Một hôm trợ lý ngang qua nhà bà Hoan, mấy bà vấy vào. Chẳng hỏi chẳng rằng các bà túm áo, kéo tai hấn. Trợ lý đạo diễn gì, gọi cho vui. Thỉnh thoảng có đoàn làm phim từ Hà Nội vào, Sài Gòn lên cần hiện trường lại gọi hấn. Vì hấn là người địa phương, thông thạo hơn, quen biết nhiều. Có khi các bà gọi hấn là "cò phim". "Cò phim" cũng xạo ra trò, chặn đầu chân đuôi của diễn viên. Mượn người ta cả biệt thự để quay mà chỉ cho con chủ nhà gói kẹo. Về phía các bà, hấn giải thích buổi đầu chỉ một mình bà Lệ lên phim nên phải chia đều, bồi dưỡng mỗi bà một tô bún. Làm phim mì ăn liền mà được ăn bún là khá rồi. Còn hôm sau hoàng thái hậu cũng chỉ được hai mươi ngàn. Hoàng thái hậu mà là vai phụ? Được vai phụ đã phúc, vai quần chúng. Hoàng Thái hậu mà lại là quần chúng? Bà Lệ bất bình. Hoàng thái hậu chỉ lướt qua ống kính có một phút lại không phải nói câu nào.

Thôi được, thế phim ấy là phim gì? Sao diễn viên không được xem lại? Bà muốn được xem mình trên màn ảnh nhỏ. Trợ lý bảo họ sợ mất bản quyền. Các bà bắt hấn gọi điện thoại di

động hỏi đạo diễn xem phim gì. Đạo diễn không nhớ vì hôm ấy dựng rất nhiều cảnh, mỗi cảnh một phim khác nhau. Hỏi người quay phim anh ta cũng chịu. Cuối cùng gọi cho nhà làm phim, nghĩa là người bỏ tiền ra làm phim ở tận hải ngoại mới hay đấy là phim ca nhạc cải lương, cho nên chỉ minh họa bằng hình ảnh, lời ca tiếng nhạc lồng sau. Phim bà Lệ đóng là "Lan và Điệp". Anh chàng thất tình ngồi thối sáo dưới gốc cây, đầu tóc rũ rượi chính là Điệp. Cảnh bà đi đi lại lại được chi 10 đô. Bà Lệ véo tai trợ lý: "*Mười đô của bà đâu? Hoàng thái hậu nữa, bao nhiêu? Khai ra!*". Hấn cười hềnh hếch: "*Hoàng thái hậu thiếu gì tiền*".

Lại trở về nghề bán rau dáo, bà Lệ ghé nhà bà Lan xem có mua gì không. Bà Lan cười từ xa:

- "*Hoàng thái hậu giá lâm!*".

Bà Lan chìa tấm ảnh hoàng thái hậu chụp chung với mấy cháu gái, giải thích:

- Con Hương đây này, nó cho tôi xem và khoe chúng cháu gặp mình tinh mần bạc Công Tăng Tôn Nữ Mỹ Lệ. Tôi bảo Công Tăng cái

con khỉ, bà Lê, Nguyễn Thị Lê bán rau muống thì có. Đúng là những *"linh tinh màn bạc"*.

Hai bà cùng cười hồn nhiên.

- Này, - bà Lan nói, - cái thằng cò phim nó lừa bọn mình, lần sau không giúp nó nữa.

- Kệ. Cứ giúp. - Bà Lê nói. - Mấy đồng bạc cho nó, mình đi chơi không cũng vậy, nhưng lần sau bắt nó phải chiếu lại cho bọn mình xem. À mà bà ơi, hoàng tử Hăng - Rết là ai? nhà tôi bảo cứ hỏi bà.

- Aha! Hăng - Rết là *"hết răng"*. Ông nhà có vẻ ghen bóng ghen gió...

- Không phải hết răng mà là chưa mọc răng.

Hai bà lại cùng cười.

Quẩy gánh rau lên vai, bà Lê cất giọng: *"Ai mua rau muống ngọn su dê ... ê!"* Tiếng rao điêu luyện mà không một mình tinh màn bạc nào có thể bắt chước ấy sẽ còn vang trên những đường phố thân quen này bao nhiêu năm nữa...

KỶ PHÙNG ĐỊCH THỦ

Đó là một con khỉ dữ. Cào cấu, cắn xé bất cứ người nào mà nó bắt gặp. Vừa xông chuồng lập tức rượt đuổi bọn trẻ chạy tán loạn, thừa sống thiếu chết. Một đứa vấp ngã xấp mặt không dám khóc, bị ngoạm vào mông tóa máu, ngất đi. Nó dám tấn công cả những người đàn ông to khỏe. Chỉ trong hai ngày, có đến năm nạn nhân bị gây thương tích, kẻ bị cào rách mặt, người bị cắn đứt gân gót chân. Tất cả đều được khiêng đến bệnh viện và nhận những mũi vắc xin phòng dại.

Khỉ dại xông chuồng! Cái tin hãi hùng loang nhanh trong thành phố. Nó ở đâu? Trên

cây cao, trong bụi rậm, dưới ống cống hoặc nắp sau cánh cửa của một nhà nào đấy... Nó xuất quỷ nhập thần, náo động cả thành phố khiến người ra đường ai ai cũng mắt trước mắt sau, nơm nớp lo sợ. Các nạn nhân nhập viện đều khai như nhau: Con khỉ to, mặt sứt, hai mắt đỏ đục, bất ngờ tấn công, “gây án” và biến mất. Nổi kinh hoàng âm ỉ như một bệnh dịch canh cánh trong lòng các bậc phụ huynh có con em đến trường. Trên ti vi thành phố, mục “*Tìm người nhà*”, Phân viện Nghiên Cứu Động Vật Hoang Dã nhấn: “*Ai biết con khỉ ấy ở đâu, báo theo số điện thoại ..., hoặc đưa đến Phân Viện sẽ được cảm ơn và hậu tạ*”.

Con khỉ thí nghiệm ấy được nuôi dưỡng theo một chế độ khá đặc biệt. Ngày nửa ký thịt bò, trái cây tươi thoải mái, định kỳ được tiêm truyền các loại thuốc bổ dưỡng. Vì vậy, tuy là giống khỉ đuôi ngắn nhưng nó to hơn đứa trẻ 13-14 tuổi. Gân bắp chắc nịch, vạm vỡ khóa chuồng, cắn đứt lưới thép. Về khuya, tiếng hét xé tai của nó nghe rờn rợn. Lạ nhất là nó không chịu ngủ. Cán bộ nghiên cứu của viện mừng vì tìm được phương pháp gây mê bằng cách dùng

bơm tiêm phun thuốc vào mũi nó. Nhưng cũng chỉ được một lần, sau đó, cứ giờ kim tiêm ra là nó ngoảnh mặt đi, hai tay bịt mũi. Khôn đến thành tinh, khoẻ và dữ, bắt được nó quả là sự thách đố.

Mấy hôm liền bật vô âm tín. Phân viện nhấn tiếp: “... *Con khỉ ấy đã tiêm thuốc độc, nếu ai đem nấu cao, ăn phải chết người sẽ chịu trách nhiệm hình sự !*” Ngay hôm sau, có cú điện thoại mách nó đang ở trong buồng tắm của một gia đình. Bà chủ thấy con khỉ bị đàn chó dòn vào thì sập cánh cửa lại, nhưng chưa biết xử trí ra sao.

Tư Thú là xếp sòng của một hội săn. Ba đời sống bằng nghề săn bắt thú rừng. Tư Thú còn được mệnh danh là “*Võ Tòng Đả Gấu*”, tay không bắt sống một con gấu tám chục ký. Sức vóc hơn người, suốt năm phơi tấm lưng trần, da săn như da heo rừng. Hồi niên thiếu, Tư Thú đi giầy Xăng Đá, chó dữ đến đâu cũng không sợ, kể cả bécgiê, chỉ một cú đá móc là đo ván. Bước chân Tư Thú đến đâu, hổ báo nín thở. Mời ông bắt giùm con khỉ thì khác nào “*đem dao mổ*

trâu đi cắt tiết gà”. Chuyện vặt, Tư Thú lầu bầu nhưng vẫn đến.

Bước vào buồng tắm, Tư Thú quờ tay khép cánh cửa. Mặt ngoài nhà tắm ken bằng những tấm ván dày, ba phía còn lại là tường xi măng. Mái lợp tôn Mỹ, loại tôn dày và rất nặng chuyên để xây boong ke. “*Có mà chạy đằng trời!*” đám đông hiếu kỳ đứng bên ngoài bình luận. Tư Thú phóng tia nhìn vào góc trên, đối diện. Trong bóng tối nhờ nhờ, cặp mắt khỉ rục đỏ như hai cục than hồng. Ông sống người. Đây là cuộc độ sức thật sự. Vấn đề là phải bắt sống, đập chết nó không cần đến tay ông. Cái nhìn đầu tiên là cái nhìn lượng sức, áp đảo. Thường thì chỉ ba mươi giây ông nhận ra vẻ sợ sệt trong mắt đối phương. Trường hợp này thì không. Ánh mắt man dại của một kẻ cùng đường đã đập tắt ý nghĩ ban đầu của kẻ đi săn. Tư Thú chớp mắt, sau giây lát nghĩ ngợi nghiêng người lách ra và nói bằng một giọng rất trầm: “*Cho tôi xin ly rượu*”. Những lúc căng thẳng cân não, cần trấn an hoặc tự kích thích để vào cuộc, Tư Thú vẫn cầu cứu đến rượu. Rượu làm ông điên lên, và khi ấy thì coi chừng.

Hình như không biết có người sắp ra tay bắt khỉ, một cán bộ nghiên cứu của viện khoác áo blu trắng kéo nhân viên thú y đến. Anh thú y lăm lăm khẩu súng sẵn, vừa đi vừa oang oang: “Anh yên tâm đi, súng tôi bắn voi còn được. Một phát là ngủ gục. Đạn mới đây”. Miệng nói, tay anh nạp đạn. Luồn mũi súng vào khe ván: “Đoàng !” “Trúng rồi !” Mấy đứa trẻ dán mũi vào khe ván reo lên. Con khỉ loạng choạng, rơi đánh bộp như một nắm giẻ rách. Một phút ... hai phút ... “Tôi đã bảo mà, ngủ gục tức thì, thuốc mê cực mạnh.” Anh thú y xô cửa vào đúng lúc con khỉ lồm cồm bò dậy. Đứng vững trên hai chân, nó lừ lừ tiến ra, mắt phóng chùm tia sáng màu đỏ. Anh thú y ù té chạy.

Nhanh như cắt, một thanh niên cao lớn lao vào buồng tắm. Bịch! một cú đá hiểm khiến con khỉ tung lên dán mình vào góc trên của buồng tắm. Sau một phút chơi với, quờ quạng, hai tay nó đã bám được vào cây đòn tay bằng gỗ. Qua lời bình luận của trẻ con mới biết người vừa vào là thầy dạy võ Karate của câu lạc bộ thiếu niên. Bọn trẻ vỗ tay, la hét. Suýt nữa con khỉ vồ trượt cây gỗ và tuột xuống thì mọi chuyện đã xong

xuôi. Thày võ chưa kịp nhích mép cười thì như một chiếc lò xo bị nén hết cỡ, nó bung hai chân ra, phóng thẳng vào mặt đối thủ rồi thụt ngay lại trở về tư thế cũ. Máu loang trên mặt võ sư. Giơ cùi tay quệt máu, võ sư cười gằn, một cái cười khó hiểu, báo hiệu một cú trả đũa ra trò. Vương cái vôi nước, hình như hơi khó xoay sở. Anh đẩy cánh cửa nhà tắm lấy thêm ánh sáng. Tức thì con khỉ phóng ra ngoài. Đám đông bung ra. Chạy! Võ sư rượt theo, lại một cú đá với vào cái đít đỏ lôm của nó. Con khỉ tung lên không, túm chặt lấy cành cây như nghệ sỹ xiếc. Trễ con quay lại, ngửa cổ nhìn lên, thán phục. Đúng là sư phụ Karate. Chưa hết tán tụng thì bất thần con khỉ buông tay bay thẳng về phía sư phụ như một mũi tên, hai tay túm hai tai sư phụ, hai chân dẫm trên vai, tia nước đái vào mắt sư phụ. Sư phụ nghiến mắt, túm chặt hai tay con khỉ, uốn mình quật mạnh nó xuống đất. Đau quá, con khỉ thụt ra như một cái xác. Sư phụ nhào tới. Như một phản xạ, nó co người nhảy phóc lên cành cây ban nãy, trờ trờ nhìn xuống. Hai mắt rục lên dưới vầng trán dô vuông vức của khuôn mặt sư tử. Hàm răng trắng nhớn nhe ra choéc

choéc đe dọa. Ở dưới, sư phụ hằm hằm nhìn lên. Quên cả dòng máu đang bò từ thái dương xuống bờ vai.

Một bên là con vật bị dồn đến bước đường cùng. Một sinh vật tuyệt vọng trước cái chết. Còn gì mạnh hơn cái chết? Một bên, hơn cả cái chết, ấy là danh dự. Một võ sư Karate trước những học trò của mình. Đá đang chọi với đá !

Vút! Con khỉ phóng qua đầu đám đông, ôm chầm lấy vạt áo dài nâu của một người vừa đến. Đó là một ni cô. Con vật hung dữ bỗng như một đứa trẻ bấu lấy vạt áo cà sa cầu cứu sự che chở. Võ sư xông vào toan giằng nó ra thì ni cô chấp hai tay: “*Mô phật !*” Nét mặt từ bi, bàn tay mềm mại trong màu áo nâu sồng khiến sự hung hăng của võ sư trở nên lố bịch. Võ sư trừng người, những nếp nhăn tức giận khắc trên mặt giãn dần.

Bu ... uôm! Bu ... uôm! Bu ... uôm! Tiếng chuông chùa từ xa vọng lại, ngân nga.

Tất cả mọi người, thần kinh đang căng ra, máu đông cứng, giờ trùng xuống. Tất cả các con tim, kể cả trái tim khỉ, chậm chậm trở về nhịp

đập bình thường. Và thật bất ngờ, con khỉ buông vạt áo cà sa, chắp hai tay vái võ sư như tế sống, rồi chống hai bàn tay, dập đầu xuống đất. Võ sư hân tểc một cú đá. Nhưng lúc này mà làm điều đó là tự xỉ nhục mình. Còn gì là thượng võ, còn gì là *fair play* nữa. Thua một cách nghĩa hiệp lại là một chiến thắng khác. Rất mừng, võ sư đã kiểm chế được. Tiếng chuông chùa lặn hẳn, tay phải ni cô cầm tay võ sư, tay trái nắm lấy bàn tay con khỉ, vụt giơ lên quá đầu trong tiếng vỗ tay reo hò. Tiếng chuông chùa như tiếng công nổi lên chấm dứt trận đấu quyền Anh giữa hai kỳ phùng địch thủ mà cả hai đều thắng.

Tư Thú bây giờ mới hốt hải chạy đến, ngơ ngác nhìn con khỉ nép dưới vạt áo cà sa của ni cô, hỏi trống không :

- Sao? Làm thế nào ni cô bắt được nó ?

- Chắc nó ngộ là Đường Tăng ! - Một giọng đàn ông khôi hài.

Ni cô không có cái vòng Kim Cô của Bồ Tát, nhưng có cái nhìn từ bi. Một buổi chiều mưa tám năm về trước, dưới chân tượng Phật Bà ở chùa Thiếu Lâm, nơi ni cô mới vào quy y, ni

cô nhận ra con khỉ con lạc vào chùa. Toàn thân ướt như chuột, nó run lên bần bật. Ni cô bế vào sưởi ấm cho nó. Lớn lên ở chùa, nó bắt chước sư sãi khăn vái và tập võ Thiếu Lâm. Những năm gần đây, chùa có xu hướng tiếp thị, khách du lịch đến ngày một đông, trêu chọc làm hư nó. Ai lại trước mặt những trai thanh gái lịch giữa chốn già lam tôn nghiêm, nó co một chân lên gãi gãi cái cửa nợ ấy. Sư trụ trì đành tặng nó cho Phân viện nghiên cứu động vật hoang dã. Nghe nhẩn tin trên ti vi, đêm ni cô mơ thấy nó hiện về, vẫn bé nhỏ dưới mưa tầm tã như ngày nào, và vì thế vội đi tìm. Trên cành cây vừa rồi, vào lúc nguy kịch nhất, nó đã nhận ra màu áo cà sa của ni cô với ánh mắt đúng như ánh mắt lần đầu nhìn nó.

Tư Thú sốt ruột hỏi lại:

- Ni cô có võ à?
- Không.
- Có phép màu à?
- Không.
- Vậy thì bằng cách nào?
- Ni cô vuốt ve nó.

Có tiếng trẻ con đáp lời.

2004

VÀNG VẪN LÀ VÀNG

Cái máy ảnh ra đời không giết chết được lối vẽ tả thực truyền thống nhưng đã làm nó trở thành vô duyên. Phải phá cách! Thật mà không như thật. Một loạt trường phái mới xuất hiện: Ấn tượng, Dã thú, Trừu tượng, Đa đa, Lập thể, Siêu thực... không ít hoạ sỹ đang tìm cách tự khẳng định mình với sự bối rối, hoài nghi, trong đó có Tấn.

Khác với nhiều hoạ sỹ, Tấn không đi tìm phong cách, không đặt mình vào trường phái nào, mà luôn tự hỏi mình định nhắn gửi người xem tranh điều gì, đưa đến cho họ cái gì, và để làm điều đó thì mình thể hiện thế này được chưa, có thể tốt hơn không. Đường nét và màu sắc... Tấn nghĩ nhiều, vẽ ít. Đa phần là những

bức hoạ tưởng tượng mỗi khi nhắm mắt lại. Chúng hiện lên và biến mất, có khi cả trong mơ. Sau nhiều ngày trăn trở, anh cầm bút vẽ, nín thở đặt nét màu đầu tiên lên toan. Mấy ngày làm việc liên tục, Tấn không cảm nhận nổi thời gian đã trôi đi như thế nào. Anh thận trọng đặt chữ ký lên góc trống phía dưới bức tranh. Chữ ký màu lam thoả mái leo lên mép phải rồi chìm dần vào mảng tối xám, thuận mắt như một phần không thể thiếu. Lùi lại theo thói quen, anh dim mắt nhìn bao quát bức tranh.

Bức tranh một hoạ sỹ đang vẽ. Trước mặt là khung toan trắng toát, im lìm thách thức. Tay trái hoạ sỹ nâng pa-lét. Những đụn màu xanh, đỏ, trắng... cộm lên như ta thường thấy. Tay phải cầm bút vẽ chạm mặt toan sắp phết nhất màu đầu tiên khai sinh và cũng là định mệnh cho tác phẩm. Tấn hài lòng với những ngón tay của hoạ sỹ, mạnh mẽ và quyết liệt. Đầu ngón trở ẩn vào cọ, móng bẹt, trắng ra, tương phản với những nếp nhăn nơi cuối đốt. Đốt giữa cộm lên như đốt trúc, được phóng đại to hơn thực tế. Lúc vẽ anh đã nhìn lại tay mình không biết bao lần. Hoạ sỹ trong tranh hơi ngửa cổ khiến cái

cầm lỏm chằm râu chìa ra đến tức cười. Môi bậm nghiêm tức chực bật nụ cười hài hước, tự điều. Đối lập với bàn tay là tấm thân gầy đét, bụng lép kẹp. Chiếc áo may ô cháo lòng với những lỗ rách không che nổi bộ xương cách trí. Rõ ràng anh ta đang xả thân cho tác phẩm. Ấy chính là tuyên ngôn về nghề của Tấn. Vợ họa sỹ Tấn bật cười khi nhìn vào bức tranh, cảm thấy đây mới thật là chồng mình. Chị không chỉ bật cười khi thoát nhìn lần đầu, mà từ đó, mỗi lần về nhà, mở cửa, bức họa bắt mắt khiến chị lại mủm mỉm cười thầm: Anh đấy! Bức tranh đã là một "thành viên" không thể thiếu trong gia đình. Khách đến nhà trầm trồ. Một người có đầu óc kinh tế gật gù: "Tài đến thế này thì giàu mới phải!". Ha! ha! Chủ khách nhìn nhau cười phá.

Nhà Tấn ở sâu trong một ngõ cụt ngoại thành. Đã có lần anh liêu thuê nhà mặt tiền ngoài phố mở gallery nhưng không trụ nổi vì giá mặt bằng quá cao. Đã thế tranh của anh lại thuộc vào loại kén khách. Kinh tế thị trường để ra lắm giá trị giả và tồn tại nhiều nghịch lý trở trêu như chính thân phận của Tấn. Để nuôi dưỡng tài năng nghệ thuật trước hết phải sống,

mà muốn sống trước hết phải ăn. Cái "gót chân Asin" của Tấn vẫn là cứ phải ăn mới sống nổi, dù chỉ là rau cháo. Anh quyết định vẽ thuê cho một "hoạ sỹ không biết vẽ" nhưng giỏi tiếp thị, đó là thiền sư Viên Giác.

Thiền sư ở trong một cái cốc giữa vườn cây um tùm. Đồn rằng ông bị chó dại cắn nhưng không chết, sau một đêm ngủ dậy bỗng dưng xuất hiện nhiều hoa tay, vẽ đẹp hơn cả hoạ sỹ được đào tạo từ các trường mỹ thuật. Hơn thế nữa, không học mà nói được nhiều thứ tiếng. Khách du lịch chen nhau đến mua tranh, dẫm nát cả vườn cây. Ngày ông vẽ hàng trăm bức, đẹp lạ. Mới đầu mỗi bức một vài đô, sau tăng lên 5-10 đô. Cốc cách nhà Tấn không xa, có lần anh nói thẳng với thiền sư phải thương anh em hoạ sỹ, để người ta sống với chữ tranh bán phá giá thế ai mà theo kịp.

Tấn được mời đến vẽ công nhật. Ngày năm mươi nghìn. Màu đấy, giấy đấy, thích vẽ cái gì thì vẽ: ngôi nhà, gốc cây, con chim, dòng suối... không cần đẹp, vẽ xong đưa cho ông. Đến lượt thiền sư, ông vẩy màu vào, dùng tay

xoa, day cho thêm phần mờ ảo. Có khi phơi chưa kịp khô thì gặp mưa. Nhoè nhoẹt càng tốt, càng tự nhiên. Tranh ông đổ ai chép được. Tranh đầy nhà phải gác gác bể. Khói bay lên ám vào tranh, người mua phục lăn, vẽ mây vẽ khói thế này mới đúng là bậc thầy. Vẽ xong ông đề một câu thơ bằng thứ tiếng Anh tra từ điển. Du khách nước ngoài có người là nhà thơ sửa giúp ông. Người sau đến xem thán phục: *"Tôi là người Anh chính cống đây, cũng không thể làm được câu thơ hay như thế!"*. Tương tự như vậy, ông có được những câu thơ bằng hầu hết các thứ tiếng trên thế giới. Anh, Pháp, kể làm gì, đảng này là Tây Ban Nha, Israel, Ả Rập... chữ loằng ngoằng như giun dế, như giá đỗ. Lại có hoạ sỹ hứng lên, sẵn màu, ngửa tay vẽ tặng lại ông. Ông lại vẩy thêm chút màu vào đấy, lại bán. Cứ thế du khách người trước phục vụ người sau. Có khách hỏi ông nội dung bức tranh. Ông giải thích đây là thiên hoạ, nó giống như rêu trên tường, mây trên trời, cứ mua về ngắm ngày này qua ngày khác sẽ thấy tâm hồn thanh thản như được giải thoát. Một du khách mua về làm thử, sau đó viết thư lại: *"Con đã đi nhiều, quen biết*

nhieu hoạ sỹ đương đại trên thế giới. Nhưng có lẽ gây ấn tượng mạnh mẽ nhất là khi được tiếp xúc, trò chuyện với thầy, một thiền sư thông thái, một hoạ sỹ tài ba. Con đã bắt gặp nơi đây một trường phái hội hoạ hoàn toàn mới lạ, chưa hề có trên thế giới và một hồn thơ tuyệt vời. Con đã thụ hưởng ở thầy một chút tinh túy của tranh thiền hoạ. Và... con đã khóc khi bức tranh thiền đầu tiên của con ra đời!"

Viên Giác tham dự hàng trăm cuộc triển lãm trong và ngoài nước. Người ta gặp ông hàng ngày trên mặt báo và internet. Một tờ báo phương Tây đăng bài giới thiệu ông ngay cạnh bài viết về Napôlêông nhân ngày sinh Napôlêông. nghiêm nhiên chân dung ông kề ảnh Napôlêông. Thật là trên cả tuyệt vời!

Vẽ công nhật cho một danh hoạ như thế chẳng sợ hết việc. Hoạ sỹ Tấn đang lúi húi ở một góc vườn, tay cầm bút vẽ thì một du khách bước tới. Anh là một hoạ sỹ có tài. - Ông ta mở đầu.

Tấn ngoảnh lại. Ông già người Âu râu tóc bạc như cước, da đỏ au, bần soóc lửng. Hai

người nhìn giá vẽ kẹp tờ rôki không một vết màu. Như để giải thích, ông tiếp:

- Nhìn tay cầm bút vẽ đủ biết.

Tấn cười nhăn nhở.

- Anh có thể cho tôi xem tranh của anh? - Ông ta đề nghị.

Người khách theo chân anh về nhà, trên đường thấy bức tranh Viên Giác đang phơi, ông nâng lên dí sát mũi ngửi ngửi, hình như muốn đoán chất liệu rồi đặt xuống như cũ. Anh hỏi ông có thích những bức hoạ ấy không. Ông nhích mép cười và bảo đi du lịch người ta muốn mang về một cái gì đó làm kỷ niệm, như lên núi nhặt hòn đá, xuống biển lượm cái vỏ sò vỏ hến, tranh rẻ mua cũng được vì nó gọn nhẹ. Ông tự giới thiệu là giáo sư hội hoạ của một trường có tiếng, đồng thời là Chủ tịch Hội tài trợ Hội hoạ. *"Mỗi hoạ sỹ muốn lên đỉnh cao cũng cần có một Mạnh Thường Quân"*. Ông nói thế.

Giáo sư lặng đi trước bức tranh *"Người hoạ sỹ"* của Tấn. Hồi lâu mới lên tiếng:

- Nếu anh định bán thì đây đúng là cơ hội. Tranh đã tìm được chủ của nó.

Không đi thẳng vào vấn đề, hoạ sỹ Tấn chậm rãi:

- Ông biết đấy, một đĩa ngô rang bơ ở khách sạn năm sao là mười đô, về nhà quê chỉ ngàn đồng tiền Việt, mặc dù ngô non và tươi hơn. Chúng tôi là những hoạ sỹ nhà quê.

- Nhiều bậc đàn anh của anh cũng than với tôi như vậy. - Ông ta nói. - Tôi rất khâm phục tượng đá châu Phi và những bức hoạ của dân da đỏ Nam Mỹ. Vàng vẫn là vàng. Tranh của anh có dáng dấp Đông Hồ, nói được những điều không nhìn thấy. Năm nghìn đô. Đây là cơ hội cho tôi và cả cho anh.

Hoạ sỹ Tấn chấp nhận. Nhưng khi người mua đem tranh ra khỏi cửa anh không dám nhìn theo, gục đầu ngồi ủ rũ. Vợ anh về nhìn bức tường trống, hoảng hốt:

- Anh vừa bán bức tranh cho ông già tóc bạc phải không?

- Phải. - Tấn vẫn không ngẩng lên.

Vợ anh đành lại:

- Tại sao người ta dám bỏ tiền ra mua mà mình lại bán đi?!

2004

NGƯỜI THƯỜNG GẶP

Ủ thì không có số, nhưng hên xui thì có chứ, ấy vậy mà ông cứ một mực vận may sẽ chẳng bao giờ tìm đến mình. Bao nhiêu người trúng độc đắc nhận giải được lên tivi ôm hàng đồng tiền ông vẫn tỉnh bơ. Chuyện người khác, can hệ gì. Nghĩa là với ông thì xổ số có cũng như không. Hai ngàn làm ly cà phê đen, chắc nhất. Mua chiếc vé số rồi hồi hộp đợi chờ, giữ cho đến khi xổ, lo dò xem có trúng không, mua lấy sự tiếc xót, xuýt xoa... Đại! Trước đây còn có cái lệ là vừa nhận được đồng lương, công đoàn đã chia vé số ra "bắt" mua ủng hộ. Ông phản đối, nhưng rồi người ta sao mình vậy, đành bấm bụng. Ông trả tiền nhưng không nhận vé: *"Cứ giữ lấy hộ tôi, trúng thưởng chia đôi"*. Đời

nào, ông biết, tiền bỏ ra coi như là mất. Phải đến hôm có người cùng phòng trúng năm trăm ngàn, kéo tất cả đi uống bia ông mới chịu thừa nhận: xác suất trúng nhỏ, nhưng nhỏ không có nghĩa là bằng không. Mặc ai trúng thì trúng, ông vẫn ngoan cố lạnh nhạt. Duy chỉ có một lần ngồi ăn ở nhà hàng cùng với người bạn xa đến chơi, bất đắc dĩ ông phải mua một chiếc. Người mẹ tiểu tụy dắt đứa con ba bốn tuổi, tay nó chìa ra mấy tờ vé số. Không mua cũng phải cho tiền, mua đuổi đi cho rồi, để đứng lù lù trước mặt mãi làm ngơ cũng ngượng. Ấy thế mà lại trúng. Giải khuyến khích thôi, khuyến khích chả mừng à. Chưa kịp đi lĩnh thì bà vợ nhanh nhẩu đoảng, quẳng cái quần vào máy giặt. Mãi ra cái vé nát nhũn, thế là toi. Tiền thưởng chẳng thấy đâu, cãi nhau một trận hàng xóm phải sang can. Đã bảo, vận may có bao giờ tìm đến ông. Ông thế từ nay chết cũng không thêm mua xổ số nữa.

Cách đây mấy hôm, vừa ngồi xuống gọi ly cà phê ở một quán cóc vỉa hè thì thằng nhỏ đánh giày hiện ra, tay xách hòm gỗ, mắt dán vào chân ông, hăm hở:

- Đánh giày ông?

- Không! - Ông ngoảnh mặt đi.

- Giày ông bẩn rồi kìa.

Ông làm thỉnh. Nó đặt vội đôi dép nhựa xuống chân ông.

- Này! - Ông trừng mắt. - Đã bảo không là không!

Thằng bé nhấc vội đôi dép, biến mất.

Một cô mũ vải rộng vành đeo chiếc túi giả da màu đen ngắn quai kẹp gọn vào nách, tay cầm cuốn sổ cũ dung dúc màu nâu nhạt, mở sẵn một trang đầy những con số.

- Mời bác dò sổ.

- Cám ơn, tôi không có. - Ông trả lời.

Tức thì tay kia cô gái chìa ra chiếc vé số:

- Còn chiếc cuối cùng, bác mua giùm.

- Không mua đâu! - Ông nổi cáu.

Cô này chưa kịp đi thì từ xa một cô khác đã phát hiện được mục tiêu, xăng xái bước tới như sắp chớp được con mồi. Ông vội lắc đầu lia lịa, ngoảnh mặt sang hướng khác, tránh ánh mắt cô ta. Khổ, sáng ra ngồi uống ly cà phê không

yên. Mà nào đã thấy cà phê. Bực cả mình, ông xoay cổ tay liếc đồng hồ nhấp nhóm toan đứng lên. Chưa hết, lại một bóng dáng nữa, có phần u ám hơn, lặng lẽ như một bóng ma. Bà già lết đôi chân nặng nề, hai bàn chân xương xẩu ngoạc vào đôi dép nhựa mòn vẹt đầy bụi bẩn. Tay chống gối, bà thả phịch người xuống chiếc ghế đối diện, thở dài. Đặt chập vé số lên bàn, thả nón xuống chân, tay bóp bóp hai đầu gối. Bà lấy một cái ly thủy tinh nhỏ trong khay nhựa, tự tiện nhắc ấm trà bằng nhôm ở giữa bàn rót uống. Thận trọng đặt ly vào chỗ cũ, mu bàn tay quệt vội giọt nước rớt bên mép, bà cười gượng nhìn ông như muốn bảo: *"Ông thấy tôi rồi đấy, mua giùm một chiếc đi"*. Tay dúm tập vé trên mặt bàn như đẩy một con cờ, mắt bà ngược nhìn ông chờ đợi. Ông đứng phắt lên, liệng tờ năm trăm đồng về phía bà, quay lưng không nói không rằng, đi thẳng.

- Quay lại!

Dường như một tiếng quát, ông khựng chân ngoái về phía sau. Lẽ nào có thể là tiếng bà già kiệt sức kia? Đúng, bà vừa lên tiếng, còn

ai vào đây. Ông nhìn bà. Bà nhìn lại, mắt rục một tia lửa.

- Cầm lấy! - Bà chỉ vào đồng tiền trước mặt.

- Cho cụ mà. - Ông hạ giọng.

- Tôi có xin ông đâu?!

Thì ra, nhân phẩm còn được thức tỉnh bằng chính sự xúc phạm, buộc nó phải tự khẳng định.

Ông cúi mặt nhìn xuống. Khách ngồi quanh ngơ ngác nghểnh lên dồn mắt về phía họ.

- Tôi nói cho ông biết, - Bà đồng dạc - tôi là người bán vé số. Tôi không đi xin!

Có ai đó xen vào:

- Đúng rồi, người ta có xin đâu.

- Ông đã xúc phạm tôi - Bà ầm ức. - Ông nhặt tiền lên!

Rõ ràng là ông có lỗi. Càng kéo dài càng sượng mặt. Kinh nghiệm sống mách bảo ông phải mau mau chấm dứt. Ông lí nhí xin lỗi,

gượng gạo cúi xuống nhặt tờ bạc năm trăm nằm chênh ềnh như một vật chứng, cho vào túi, lặng lẽ bước ra trước những cặp mắt dõi theo.

Mấy ngày liền ông sống trong tâm trạng bất ổn, vừa tức vừa xấu hổ. Ông nhận ra lỗi hoàn toàn thuộc về mình. Không tránh mặt, sáng nào ông cũng trở lại quán cà phê, ngồi đúng chỗ cũ, đợi bà lão đến để xin lỗi một lần nữa nhưng không thấy. Ông hỏi những người uống cà phê, hỏi cô chủ quán. Họ chỉ cười lắc đầu. Phải tháng sau ông mới sức nhớ và vội tìm đến Công ty Xổ số.

Được biết bà lão vừa mới qua đời mấy hôm trước, ai cũng ái ngại. Tội nghiệp, con trai mất, con dâu đi lấy chồng, quẳng lại đứa cháu nhỏ cho bà. Trọ cấp hưu làm sao nuôi nổi cháu ăn học. Bà nhận vé số đi bán kiếm tiền chợ. Bán vé số cũng là một nghề. Nghề của những người không vốn. Dư giả thì chẳng có nhưng sống được. Khốn nạn, bà cụ vẫn có cái chứng thấp khớp mà hàng ngày cứ phải lết đi không biết bao nhiêu cây số. Về hưu còn là thành viên hội thẩm nhân dân của Tòa án thành phố. Đám tang đông quá, cả chợ đưa tiễn.

Ông nghe, nghe hết.

Anh cán bộ Công ty Xổ số hỏi:

- Thế ông tìm bà cụ có việc gì?

- Để mua vé số.

- Trời. Vé số mua đâu không được?

Không trả lời, ông lủi thủi quay ra.

Phố xá vẫn ồn ã trong nhịp sống thường nhật cố hữu của nó. Lác đác có những người đội nón, đeo chiếc túi nhỏ, tập vé số trên tay, sục khắp chỗ này chỗ nọ, chìa ra trước mặt mọi người.

2002

BẠN CŨ

Trời ạ, thằng Thưởng! Thằng Thưởng thì tôi quên thế nào được. Cái thằng bạn ngồi cùng bàn ở phổ thông, chữ đẹp mà người thì trông như thằng câu gà. Nó có trí nhớ tuyệt vời, nghe giảng xong là nhập tâm ngay. Giờ ra chơi nó ngồi lì tại chỗ mượn sách của tôi xem lại bài thầy vừa giảng, thế là thuộc. Có lần kiểm tra toán tôi bí một câu không giải được, nó nói sách bài tập giải rồi. Tôi hỏi sách nào, nó bảo sách này cho tao mượn ấy chứ còn sách nào. Người ta nói trí nhớ là một nửa trí thông minh. Thưởng vừa thông minh lại vừa nhớ dai. Điểm tổng kết 5 tất^(*), không có 4. Điểm 4 là buồn đối với nó rồi. Nó học một biết mười. Con nhà nông, bố

^(*) Trước 1975, ở miền Bắc, hệ cấp III, điểm 5 là cao nhất.

mẹ cũng xã viên hợp tác thôi, chẳng phải giòng dõi gì. Nhà Thuởng nghèo lắm, em gái em trai một lô một lốc. Chúng tôi đi học là học, nó thì học chỉ là việc phụ, đỡ dần cha mẹ mới là chính. Nhà cách trường chục cây mà không dám trọ học. Sáng tinh mơ quấy đôi quang đóng đến trường quăng một góc cuối lớp, về tranh thủ làm gánh cỏ trâu. Được đi bộ như chúng tôi đã phúc. Nó tâm sự mà tội nghiệp: Nhà mình đông em không đủ tiền mua sách giáo khoa, nếu hôm nào bài khó, không thuộc ngay tại lớp được, cho mình mượn đem về nhà hôm sau trả. Cái đó thì khó gì, mai có giờ hôm nay tôi mới sờ đến sách, có khi nào xào bài đâu, vì học trước đến hôm ấy cũng quên. Tuy vậy, chẳng bao giờ Thuởng lỗi hứa, sợ không được mượn nữa. Nó còn nói, mình ít thì giờ lại không có sách nên phải cố thuộc, các cậu quên thì lại giở ra xem, lúc nào chẳng được. Đã giỏi lại ngoan, mỗi lần mẹ tôi không hài lòng với tôi điều gì bà lại bảo: "*Làm gì phải học ai, cứ nhìn thằng Thuởng ấy*". Cho đến năm lớp 10, sau kỳ thi tốt nghiệp được thủ khoa thì không chỉ thầy trò trong trường trầm trồ mà đến cả tỉnh biết tiếng. Thuởng trở thành

thần đồng, thần tượng của chúng tôi. Bạn bè chỉ hướng về anh để học tập, để vươn lên chứ biết chắc không thể nào như anh được. Việc nhà ngập đầu còn tham gia công tác Đoàn, người thì cứ như đọt dây lang héo.

Thường được kết nạp vào Đảng ngay ở trường phổ thông, không lêu têu như bọn tôi. Tóm lại anh rất "*Bôn*", rất "*đỏ*" theo cách nói của ngày ấy. Mà ngày ấy nói "*Bôn*" là Bôn thật, "*đỏ*" là đỏ thật, như kẻ tu hành đắc đạo, xứng đáng là tấm gương cho những người xung quanh. Mãi sau này, "*Bôn*" mới bị hiểu theo nghĩa là bảo thủ, là quỳnh, là lối bịch. Hồi chiến tranh chống Mỹ tôi có gặp Thường một lần, đạp xe ngược chiều, mặc quần áo bộ đội, đội mũ đeo sao, không có quân hàm quân hiệu gì. Bẵng đi mấy chục năm, vẫn nhớ nhưng không có dịp gặp lại.

Tôi không nhận ra Thường ngay không phải tại tôi mà là tại Thường. Trước mặt tôi là người đàn ông tóc đã bạc gần hết, bụng phệ, múp đầu trạch, hàm bệnh làm phần dưới mặt phình ra hình quả lê, cổ bự, ngắn và bất động.

Tôi nói không nhận ra vì anh thay đổi nhiều quá. Sẽ dễ dàng hơn cho tôi nếu như xóa được hình ảnh quá khứ của anh.

Tôi về hưu, sống ở ngoại thành một thị trấn nhỏ. Thường đã là cán bộ cao cấp tận trung ương, có chức, có quyền, anh tìm đến tôi sau nhiều năm xa cách. Tôi giữ ở nhà ăn cơm. Anh đưa mắt quan sát gian nhà, ngẫm đánh giá đời sống gia chủ.

- Không phải chê anh nghèo, nhưng mình đi có người nọ người kia. Mà việc ấy đã có người khác lo, tội gì phải làm khổ vợ khổ con.

Anh tặng quà cho các cháu. Hắn một thùng các-tông, chẳng hiểu trong đựng những gì, chỉ thấy lái xe khệ nệ bê vào. Tôi hơi ái ngại, anh kéo tay:

- Đi thôi! Đi với tao, đến khách sạn.

Tôi nhìn lại quần áo mình đang dở tay làm vườn. Mùi mồ hôi, bùn đất phân tro đã ngấm vào da thịt, xà phòng thơm cũng chẳng tẩy được. Những người chân lấm tay bùn, vì quá thân quen, vô tình bỏ qua, song bên cạnh những

viên chức suốt đời ngồi bàn giấy thì nó lộ ra không dấu nổi, nhất là ở nơi sang trọng. Lúc đó tôi lại đang bỏ phân cá, chỉ cần ngang qua vườn người ta đã phải nín thở. Xác mắm thối khăm khăm ướp vào da thịt dai dẳng. Ngồi ăn mà khách bịt mũi quở có cái mùi gì là lạ thì ngượng lấm. Ngượng cho mình thì ít, cho bạn thì nhiều. Chẳng lẽ giải thích, thanh minh, trên bàn tiệc quan chức chứ đâu phải bữa cơm gia đình. Tôi hơi buồn:

- Thôi, anh thông cảm cho...

- Bạn bè... Mà! - Anh nghiêm mặt ra chiều giận.

- Thôi, còn người này người kia...

Tôi đưa mắt nhìn ra ngoài. Chiếc xe con bóng loáng, kính đen, chẳng hiểu nhãn hiệu gì, đời mới hay cũ, song đắt tiền là cái chắc. Người lái xe vừa quay lưng, anh bấm tay tôi, hạ giọng:

- Nói thực, tiền chùa ấy mà, tao cũng có phải bỏ ra xu nào. Nhưng thôi, tùy, không ép.

Thấy tôi không đổi ý, anh cho biết cả đoàn đã nhận phòng ở hotel rồi nhưng tối sẽ về đây ngủ để hàn huyên với nhau một đêm. Tôi

không kịp hỏi giờ anh làm gì nhưng lâu ngày gặp nhau vẫn giữ được tình cảm thế là mừng. Thường vẫn là Thường, không đến nỗi "*giàu đổi bạn, sang đổi vợ*" như người đời thường nói.

- À này... - Anh quay lại vội vã. - Chỉ cho mình cái khách sạn nào sang trọng nhất ở đây...

Tôi ngớ ra. Trong đầu hiện lên toàn những quán bình dân, quán cóc. Thường người dân địa phương mấy khi lai vãng đến các nhà hàng sang trọng. Với cán bộ hưu trí như tôi, hỏi thế khác nào đánh đố.

- Thôi... để mình hỏi người khác vậy. - Anh lật đật quay ra, vừa đi vừa phàn nàn. - Cái tụi này nó cứ bắt mình chọn mới chết: "*Anh thích đâu lệnh cho tụi em. Chỗ nào sang nhất thì đến!*". Biết chỗ nào bây giờ.

Khuya lắm Thường mới về. Vợ con tôi đã đi ngủ cả. Anh say, lần đầu tiên tôi thấy anh say, người rũ ra, tài xế phải dìu vào. Giọng nói bè nhè kéo dài với những từ phát âm méo dính nhưng vẫn có vẻ tỉnh táo:

- Mình có bao giờ uống. Chúng nó... ép, không uống... chúng nó không yên tâm. Ba thằng... À, năm thằng làm hai chai.

- Chai gì? - Tôi hỏi.

- Hen... Hennessy, chai lớn.

- Trước khi uống phải ăn cơm.

- Cơm? Bây giờ ai ăn cơm (!). Mấy hôm nay chưa được hạt cơm nào vào bụng đây. - Thường bật cười rồi cất giọng: - *"Tắm áo ấy... bấy lâu nay con quý hơn cơm gạo"*. - Lại cười. - Cơm gạo bây giờ đâu có quý. Giờ mà phải nói đến ăn là đuối rồi đấy ông ạ. - Vừa nói anh vừa đập đập vào vai tôi.

- Không ăn cơm thì ăn gì? - Tôi lại hỏi.

- Ăn óc khỉ, ăn bàn tay gấu, ăn lưỡi chim cảnh... Mà chẳng biết có đúng là lưỡi chim cảnh thật không, cứ sần sật sần sật...

Vừa được đặt vào giường, anh nôn thốc ra nhầy nhụa. Một mùi tanh kinh khủng bốc lên. Óc khỉ đấy, trời ơi, anh giải thích. Tôi hình dung ra con khỉ hét chóc lên khi bị một lưỡi dao phạt một mảng sọ như phạt trái dừa nước. Nó không thể gãy giữa vì bị nhốt cứng trong cũi chật, đầu cố định vào cái lỗ khoét giữa bàn ăn, chỉ lộ một phần sọ vừa đủ nhát chém thành một đĩa óc tươi

còn đang giật giật. Rồi cứ thế, mỗi người một cái thìa xúc ăn, nóng hổi.

- Ăn thế không ghê à? - Tôi lấy làm lạ.

- Lần đầu thì cũng ghê thật. Quen tất! Rượu ngoại nốc vào rồi còn biết gì.

- Không biết tanh nhưng cũng phải lợm chứ?

- Lờ... ợm? - Tay xua xua, anh huyền thuyên. - Đi uống với bọn này chán bỏ mẹ. Đứng đái trong toilet cũng chạy theo vào kéo áo nhắc chuyện này chuyện kia, rồi dúi cái này cái nọ, bực cả mình. Chỉ đi nhậu với bọn văn nghệ là vui, nó vô tư, không phải nghĩ. Danh ngôn nói cấm sai: "*Đi chơi là nghiêm túc nhất*". Đi làm, có công chuyện là có âm mưu rồi.

Tôi lau giường giục anh ngủ.

Bạn bè xa cách lâu có khi cũng phải làm quen lại. Có lẽ Thượng nghĩ rằng hình ảnh tốt đẹp của anh trong quá khứ đã bị xóa nhòa trong tôi nên có phần ngượng ngập. Anh muốn được hiểu cũng không đến nỗi tệ như tôi tưởng, nên có cơ hội là nhắc tới kỷ niệm cũ. Gần sáng anh

kêu miệng chua quá. Tôi vực anh ra phòng khách. Ngược lên bàn thờ chợt thấy ảnh mẹ tôi, anh vội xin lỗi thấp nén hương. Xoa xoa hai bàn tay vào nhau, anh nói:

- Ngày xưa kể cũng tài, một cái áo rách mặc suốt mấy năm cấp ba. Có hôm đến nhà chơi mầy đi vắng, cụ thấy vai áo mình rách còn vá hộ. Vừa vá cụ vừa lẩm bẩm: "*Bần gia sinh quý tử*". - Rồi anh bật cười tự đắc: "*Quý*" với chả kiếc, không biết có "*quý*" thật không đây.

Mẹ tôi là người ít chữ. Nói ít chữ còn hơi quá, vì ít vẫn là có. Đúng hơn, bà không bị mù chữ. Thời của bà con gái không được đi học. Biết chữ mà làm gì, viết thư cho trai à? Nhưng bà có tài học lỏm, học mót, rồi thì cũng biết đọc, biết viết. Bà không có khái niệm về chính tả, không cần chấm phẩy. Bà viết chữ quốc ngữ hằn hoi, nhưng chỉ con cháu trong nhà mới có khả năng "*giải mã*" và dịch được sang tiếng Việt. Không có học mà lại giúp cho con cái, cho xã hội được nhiều, ấy là bà. Nói đến khâu vá thì đàn bà con gái ai chẳng biết, nhưng đạt đến trình độ nghệ nhân như bà quả là hiếm. Khi bà

cán chỉ, nâng chiếc áo bông vải lảng trần hạt na óng ánh, nền nã giao cho khách thì họ chỉ còn biết xuýt xoa, thán phục. Dù đo lọ nước mắm, đếm củ dưa hành, ki bo đến mấy cũng thực tay vào hầu bao trả công cho bà. Khách nghèo thì xách đùm gạo, đấu đồ đến cũng được. Trời mưa phùn gió bắc mà khép hai vạt áo bông chần của bà vào thì người xung quanh đến phát ghen. Hồi chiến tranh phá hoại bà vận động cả Hội Phụ nữ xã ra công sự pháo vá quần áo cho bộ đội. Bà khâu kim mò trong đêm. Mũi kim bà có mất. Sáng ra, miếng vá vai không phẳng, vá nách không dúm, nhìn không thấy đường chỉ, bà khâu lẫn mũi kỳ tài. Khâu xong bà gài kim lên khăn vắt, cần lại có ngay. Cây kim vừa là công cụ kiếm sống, vừa là vũ khí đánh giặc của bà.

Tự nhiên Thưởng bật cười, tôi không hiểu anh cười gì, mãi sau mới giải thích. Có lần sau đợt bom Mỹ, cụ mang gói chè đến mâm pháo, miếng túi ni lông không dán mà khâu bằng chỉ đen. Cả tiểu đội cứ bò ra mà cười.

Mẹ tôi không quen hưởng thụ. Mỗi khi đi xa bà thường cơm nắm muối vừng. "*Cái này nó*

chắc dạ", bà nói "gì cũng cứ là phải có cơm". Bà không tin vào phở, vào bún, quà cáp dọc đường. Bà chung thủy với cơm nắm và nắm cơm bao giờ cũng phát huy hết hiệu lực của nó. Bà chỉ dùng những đồng tiền chất chiu được trong trường hợp bất khả kháng, giống như ta rơi vào cảnh phải tiêu những đồng tiền cuối cùng lúc sắp cháy túi. Có lần hai mẹ con nhảy lên tàu điện, tôi sờ túi không còn một xu, tức thì mẹ chìa ra một hào: Mẹ có đây! Tôi cần mua cuốn sách: "Mẹ có đây!". Mẹ cứu nguy cho tôi nhiều lần bằng những đồng tiền lẻ nhàu nát. Nhưng tôi hiểu, đó là những đồng tiền sạch, sạch hơn cả những đồng tiền mới cứng còn nguyên seri mà có kẻ nhận không thèm đếm. Nghe tôi kể, Thuởng chợt nghĩ đến hai trăm ngàn đồng mà đệ tử phải rút trả cho cái hôn của cô gái dành cho anh khi bước ra khỏi phòng karaoke đêm qua. Anh như nói với mình:

- Sống như cụ thì không cần cái gì thật. Cụ chỉ cần cái kim thôi, mà là kim của cụ, không thích kim mới của người khác. Cứ kể muốn hồi lộ cho cụ cũng khó.

Khó chứ. Người ta tham những đâu phải vì nghèo mà vì quen chi tiêu quá mức thu nhập. Càng uống lại càng khát, càng nhiều tiền càng thiếu tiền. Người không có nhu cầu như mẹ tôi là người mạnh, và tự do nhất. Sự nhạy cảm của Thuởng đối với cái quốc nạn hối lộ khiến tôi thương cho các quan chức thời nay. Tôi đọc hai câu thơ trẻ con hàng xóm thường bô bô với nhau: *"Thanh "cha", thanh mẹ, thanh gì/ Phong bì đầy túi nó thì thanh kiu"*.

Thuởng hơi giật mình, hai mắt mở to nhìn tôi, rồi cười cười:

- Sao lại *"phong bì đầy túi"*? Có mà dám cười. Một phong bì thôi. *"Phong bì nặng nặng nó thì thanh kiu!"* *"Nặng"* đây ông cũng không hiểu đâu, vì nó là ngoại tệ mạnh.

- Mà có thực tế rồi...- Tôi ồm ồm thăm dò. Thuởng xoay sang hướng khác:

-Đừng vợ đưa cả nắm. Tao cứu nhiều người chứ. Có đứa bị tố giác thì không đáng thanh tra. Đứa đáng thanh tra thì lại đe cả mình. Thanh tra liêm khiết cũng khó, không liêm khiết cũng không dễ.

- Mà nói tao chả hiểu gì cả.

Thưởng nhoác miệng cười, mắt nheo nheo nhìn tôi như nhìn một đứa trẻ, rồi tặc lưỡi, hất hàm:

- Mà thôi, biết để làm gì... Nhà có rượu đem ra đây.

Làm gì có rượu, mà có cũng không cho anh uống. Tôi biết, anh đòi rượu không phải vì thèm rượu mà muốn được say, được sống trong một cảm giác khác, dù chỉ là chốc lát. Xưa, Thưởng là một chàng trai nghị lực. Có lần trong giờ văn viết Trung Văn, hình như Thưởng bí một chữ. Tôi viết đại tự trên giấy nháp, chờ bạn liếc mắt sang, nhưng anh chĩnh ngay, yêu cầu tôi lần sau không được tái phạm. Anh đưa tổ kiểm điểm, nói rằng dù có bị điểm kém cũng không nhìn, tôi làm vậy là đánh giá bạn hơi thấp. Một người như thế hỏi làm sao có thể lèm nhèm, có thể tham nhũng được, nhưng mà hoàn toàn trong sạch như xưa thì kể cũng khó tin:

- Tao hỏi thật, mày phải nói thật. Thế bây giờ mày có chức, có quyền mày có ăn hối lộ không?

- Tao á? - Thường nhếch mép. - Tao bây giờ là quan thanh tra. Nói thanh tra mà hiểu chứ. Thằng nào chả có cái sai. Ngày trước chúng nó có mang con gà đấu đồ đến sợ bỏ mẹ, bắt vợ xách đến tận nhà trả. Bây giờ nói thực với mày, cũng chưa đến nỗi như người ta, nghĩa là không gây khó khăn, không đặt điều kiện trước, không làm sai nguyên tắc, nhưng xong việc thì tùy tâm, người ta có tạ món quà nhỏ thì cũng nhận, nhiều bố bảo cũng chẳng dám cầm.

Thường nói như chuẩn bị sẵn câu trả lời. Có lẽ anh đã phải nhiều đêm trăn trở để đúc rút ra cái nguyên tắc ứng xử này. Tất nhiên tôi không hỏi nhiều là bao nhiêu. Ai lại hỏi thế. Tôi chỉ gật gù: *"Thôi thế cũng được, thế vẫn còn là tốt"*.

Chẳng hiểu sao, tôi lại không dám nhìn thẳng vào mắt bạn. Phải chăng cả hai chúng tôi đều đã ngầm chấp nhận sự xuống cấp của phẩm chất cán bộ hôm nay. Cũng có lúc anh hào hứng nhắc đến một trường hợp làm phúc cứu người: Vợ một cán bộ được giải oan đến tận nhà biếu món *"quà nhỏ"* là chai rượu và một cọc tiền,

quỳ sụp xuống cầu xin anh nhận cho. Nhưng anh nói: “*Chị đứng lên đi. Ai lại làm thế! Chai rượu này tôi xin nhận, còn tiền thì chị đem về, phụng dưỡng mẹ già, chu cấp cho các cháu ăn học. Hoàn cảnh nhà chị thế nào tôi biết cả...*” Ôi, thằng Thuởng của tao! Vẫn cái nhìn thẳng độ lượng, mặt hừng lên vô tư, tôi muốn ôm lấy bạn mà ôn lại ngày xưa.

Nhưng lúc này đây, sao tôi lại không dám nhìn thẳng vào mắt bạn, có lẽ tôi sợ bạn phải lảng tránh một cái nhìn.

2002

SÓNG TÂY HỒ

Ông Bính xa Hà Nội vào Đà Lạt lập nghiệp từ năm 1938, khi mới 18 tuổi, vậy mà về quê có một lần trước năm 1954. Những năm chiến tranh, hai miền chia cắt đã đành, sau “*bảy lăm*”, đất nước thống nhất, Nam Bắc một nhà ông vẫn nấn ná chưa chịu về, mặc dù giếng nước, sân đình Quảng Bá làng quê cùng những kỷ niệm tuổi thơ vẫn đeo bám khôn nguôi. Sau mọi nỗi đắn đo, ông quyết định về đổi già một lần vào năm 80 tuổi. Điều bất ngờ là cháu chắt lại đứng ra tổ chức thượng thọ cho ông ngay tại quê nhà. Một ngày vui bông bột của lớp trẻ hậu duệ đượm nỗi buồn ngùi kín đáo của tuổi già thế rồi cũng qua, giờ đây ông đang ngồi lặng lẽ

bên bà cụ già kém ông một tuổi ngấm mặt nước Tây Hồ dập dềnh xao động.

Thật khách quan mà nói thì giữa họ chưa có cuộc tình nào, nghĩa là ông không phản bội bà, song ông đã chạy trốn một tình yêu chớm nở mà những người trong cuộc không thể quên. Ông đột ngột ra đi để rồi mắc nợ suốt đời. Bà hận, ông biết, và vì thế bối rối là không thể tránh khỏi.

Ngày ấy...

Ông Bính như được sống lại từ đầu. Sáng sáng khoác chiếc áo the, đi xăng đan cao su trắng đế crep mác con hổ, đội mũ cát trắng đi làm. Quảng Bá ngay bờ Hồ Tây nhưng lúc đó thuộc địa phận Hà Đông, vẫn là dân ngoại thành ven đô, nửa quê nửa tỉnh vì thế tuy là công nhân xếp chữ của toà báo La Voulte, nghĩa là công chức sở Tây rồi mà vẫn chưa dám vứt bỏ cái áo dài the để mặc complê trắng, đi giày mồm nhái, đầu bông dít vệt như thanh niên Hà Nội. Trai làng hầu hết phải đi cày thuê cuốc mướn cho những làng thuần nông, lắm đất nhiều ruộng như Xuân Đình, Cổ Nhuế. Nếu không có

nghe phụ trong tay như làm bún làm bánh thì chỉ còn nước ra Hà Nội nhập bọn với xe tay ba gác, thậm chí trộm cắp đi điểm. Ruộng ít, phía bắc là sông Hồng, mùa nước lên cũng cho được ít cá bột, củi rều nhưng lại chém vào bờ những vạt đất lớn. Quảng Bá còn may chữ Nhật Tân mấy lần phải di dời đình làng vào trong vì nạn lở đất. Dân đồng bãi, mỗi khi nước rút phù sa lắng đều xoá sạch bờ ranh, mố tiêu. Lý trưởng hai làng khua ba toong đốc thúc trai tráng làng mình ra cắm mố trước, lẩn được chút nào hay chút ấy. Chuyện đất cát vỡ đầu xẻ tai là thường. Ai chẳng biết lý trưởng hai làng Nhật Tân, Quảng Bá giành nhau chức chánh tổng để chiếm lợi thế khi chia đất. Kẹp giữa một bên là sông Hồng, một bên là Hồ Tây, khổ thế đấy. Lý trưởng cũng chỉ hách dịch xằng trong làng chứ ra đường gặp thằng Tây sợ run cây sậy, không nép bờ đê thì “*alê xơ đa*”, nó đá dít cho mấy cái. Bắc Kỳ là xứ bảo hộ nó mới thế, Nam Kỳ thuộc địa dễ thở hơn. Cứ trông cái nhà anh cai lục lộ cà mèng ở Nam ra mà thêm, qua bốt Yên Phụ gặp thằng Chà Và (lính da đen Ấn Độ) miêng thì “*bông giua me xừ*”, tay chìa ra bắt. Vậy nên

khi sắp chữ cột tin giờ chót đăng tải chương trình tuyển người di dân vào Đà Lạt lập ấp do tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu chiêu mộ thì ông ghi tên ngay.

Tuổi trẻ hướng ngoại, với nam nhi thì sự nghiệp lại có phần lấn át riêng tư. Ông thường nghe các cụ nói : *“Làm trai cho đáng nên trai / Phú Xuân cũng trải, Đồng Nai đã từng”*. Máu *“giang hồ bẩm sinh”* được kích thích bằng những bài báo viết về Đà Lạt, một vùng đất hoang sơ đầy bí ẩn. Vô tình ông đọc được *“Lâm Viên hành trình nhật ký”* của nam tước Trần Đình Duyệt đăng trong Nam Phong tạp Chí ghi chép những điều mắt thấy tai nghe của ngài trong dịp phụng chỉ đến tỉnh Lâm Viên mới thành lập để quan sát, đồng thời trù liệu việc xây cất hành cung. Bài báo có đoạn khiến ông lưu tâm: *“Từ Eo Gió trở lên, xe chạy nhanh được quãng đường chừng 50 km. Đường lúc này bằng phẳng, có chỗ như miền Trung Châu. Ven đường có độ năm, ba cái sách (xóm có rào) của người Thượng. Nhà lợp xúp, thô sơ. Đất trồng lúa mỗi nơi chỉ được độ một, hai khoảnh nhỏ, còn lại là đất trống mênh mông, nhìn ra thấy hoang vu cả nghìn dặm*

tới tận cùng tầm mắt. Nếu di dân lập ấp, khai khẩn canh tác thì có thể có được hai ba trăm thôn."

Đã thế ấn tượng về mảnh đất "Đà Lạt trắng mờ" của thi sĩ họ Hàn gieo vào lòng ông: "Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt", hay "Hơi mát dề mê chạy khắp mình" của Quách Tấn càng thôi thúc cái chí "tang bồng hồ thi" ở nơi ông. Trưa hè giữa Hà Nội húp nước rau muống luộc mồ hôi vã ra như tắm, mồ hôi hột lăn trên sống mũi, nhỏ cả vào bát canh lại nghe nói ở Đà Lạt lúc nào cũng có thể mặc áo len thì sướng nhất trần đời.

Gần hai phần ba thế kỷ đã trôi qua, ông ngắm lại bà xem còn sót nét nào của ngày xưa cũ. Bà nhìn mặt nước bồn thần:

- Ông vào đây có gặp con trăng có sừng không ?

Ông Bính phì cười. Ngày đó báo chí nói về Đà Lạt khá nhiều. Ông nhớ có lần cắt bài báo in ảnh con trăng có sừng tặng bà. Vào Đà Lạt mới vỡ lẽ.

- Lấy đầu ra trần có sừng. Mấy ông nhà báo toàn đưa tin giết gân. Chẳng qua nó nuốt con nai, nhưng lại nuốt từ phía sau, nuốt gần hết thì vướng sừng, gặp người vội rê đi, mang cả cặp sừng nai.

Cảnh ấy vào Đà Lạt ông gặp nhiều. Chiều chiều thung lũng trước nhà ông hươu nai từng đàn kéo xuống suối uống nước dẫn dệu như đàn bò. Nhất là khi trời sắp tắt nắng, ráng đỏ hoàng hôn nhuộm lên lớp lông mịn phát sáng, viền lấy con vật.

- Chúng không sợ người à ? - Bà hỏi.

- Mới đầu thì không. Chúng nghĩ con người cũng như chúng thôi. Nhiều con bị hổ săn đuổi còn xộc cả vào nhà cầu cứu.

- Lúc ấy các ông làm thế nào ?

- Thì mang mâm đồng, nôi đồng, chậu thau ra gõ âm lên cho hổ hoảng sợ bỏ chạy.

Chỗ ông mới đến định cư chỉ có ba ngôi nhà gỗ lợp tranh ở ba góc thung lũng sinh lầy nằm giữa Mả Thánh và đường Nguyễn Công Trứ bây giờ, nay gọi là ấp Hà Đông. Theo thế

núi ở đây, dòng suối ở giữa lại chảy từ đông sang tây. “*Nghịch thủy cửu bản*”, chịu đổ mồ hôi ra chắc trời cũng không để đối. Dân đồng bãi như ông mừng quá, đất mênh mông thả sức mà cuốc. Nhưng trần ở đây sao lắm thế. Đêm trăng nó trườn lên, lừ lừ di động, lúc đen sì trong bóng tối, lúc lấp lánh dưới ánh trăng, luồn qua những bụi lau sậy đung đưa.

Mấy chục năm trôi qua, ông cứ nhớ mãi cái ngày xa Hà Nội, mang theo hai nghìn củ giống layơn nhập bọn với hơn 30 trung niên các làng Quảng Bá, Nghi Tâm, Tây Tựu, Xuân Tảo, Vạn Phúc gồng gánh cuốc xẻng, nôi niêu xoong chảo lục tục lên tàu ở ga Hàng Cỏ.

- Sao em không ra ga tiễn anh hôm ấy ?- Ông buột miệng gọi “*em*” giọng bồi hồi.

Như bị cấm khẩu, bà định nói mà không sao mở miệng nổi. Mặt bừng đỏ rồi tái đi, môi mím chặt, mắt vẫn đăm đăm nhìn xuống. Sóng nước hắt những vòng sáng lung linh nơi cổ bà. Đây là cơ hội cuối cùng để nói hoặc là mang xuống mồ. Mặt bà đỏ gay trong ánh hoàng hôn. Mỗi hận tuổi thơ cuối cùng cũng phải trút lên đầu người tình hờ hững.

- Anh bảo em không ra ga à? Anh còn nhớ tối hôm trước khi đi anh nói anh đã chuẩn bị đủ hai nghìn củ layơn mà quên không đánh lấy củ riềng làm gia vị ăn thịt thú rừng. Anh vẫn thích món giả cầy mà.

Bà nhớ từng chi tiết khiến ông gục đầu như một tội đồ. Bà nhìn xoáy vào ông, ông không dám ngẩng lên, gáy nóng dần, ran ran từng chân tóc.

-...Em tách khỏi đám đông, - Bà tiếp – tay cầm gốc riềng còn nguyên lá đứng dưới chân cột điện đơn độc giữa sân ga Hàng Cỏ để anh dễ nhận ra. Chỉ cần anh ngược lên là bắt gặp ánh mắt em chờ đợi. Nhưng anh đã quên em lúc đó, anh mãi nói gì đấy với những người đưa tiễn, không một lần phóng ánh mắt tìm kiếm. Anh còn nhớ hôm ấy là ngày bao nhiêu không? Ngày 29 tháng 5 năm 1938 !

Bà dần từng con số, mắt sáng lên, đến lúc cứng rần nhất thì lại bật khóc, nâng vạt áo chấm chấm hai đầu con mắt. Bà đã giận ông suốt hai phần ba thế kỷ. Nếu còn trẻ, ông sẽ ôm lấy bà mà vỗ về làm lành. Ông sẽ lại ngêu ngao bài

về ngày xưa vẫn trêu chọc bà mỗi khi gặp bà quảy đôi xảo nhỏ đi nhặt phân bón thúc cho đào: “*Mình ơi có đi Bờ Hồ/ Cùng nhau chén kem kẹo dừa/ Xin mình là đừng từ chối/ Túi anh có mười đồng xanh.*” Nhưng ông chỉ đặt tay lên bờ vai già nua của bà. Bà khẽ gạt ra, vùng vằng:

- Nạn đói “*bốn lăm*” anh có gửi về hai tấn gạo cứu tế cho dân làng. Riêng gia đình em không nhận. Chỉ làm điều bất chính mới có hai tấn gạo trong khi cả nước hai triệu người chết đói!

Trời ơi, oan cho ông quá. Trước cảnh rừng núi hoang vu, nhiều người cùng đi đã đào tẩu, phần vì thấy tương lai mờ mịt, phần vì nhớ vợ con ở nhà. Ông trụ lại cuốc đất lật cỏ, với hai nghìn củ layơn đem theo, không đầy ba tháng sau đã có hai nghìn bông hoa. Người Pháp ở Đà Lạt đang khát hoa, đất mấy cũng mua, mỗi bông layơn hai hào, mà gạo hai đồng hai một tạ, thử hỏi làm gì ông không gửi được hai tấn gạo về quê cơ chứ. Cũng vì trồng hoa, vua Bảo Đại còn tặng “*Bảo Quốc Huân Chương*” cho ông, thường xuyên cho xe đón gia đình ông lên dinh chơi

vào dịp lễ tết. Chụp ảnh chung với đốc lý, có, với quản đạo, có. Và sau này nữa với cả tổng thống họ Ngô, nhưng nhà ông vẫn có hầm bí mật che giấu Việt Minh, Việt cộng. Ông có làm gì bất chính đâu. Bắt bừa lấy sỏi đá thành hoa thì thời nào chẳng được quý trọng. Thượng tướng Trần Văn Trà đấy, đưa cả nhà đến thăm ông. Được ông tặng cho cành phong lan xanh me-ri-ta, cô con gái cảm động đến nỗi không cầm mà nâng bằng cả hai bàn tay đưa ra xe. Năm 1959, thân phụ ông qua đời, kỹ sư Lê Văn Định, giám đốc Nha Canh nông tỉnh Hà Đông thời Hoàng Trọng Phu đã nói: *“Ông Bá đã để lại cho các gia đình tiểu nông một gương sáng trong cần lao. Hai bàn tay trắng đã dựng nên cơ nghiệp, biến năm đất sỏi nay thành một nơi rau hoa tươi đẹp, ai đi qua cũng tự hỏi đến người xưa.”*

Sau những thở than kể lễ là phút lặng kéo dài, dài đến phát sợ. Mặt hồ vẫn xao động, lấp lánh ánh đèn. Kia là đường Cổ Ngư, nay gọi là đường Thanh Niên dẫn đến chùa Quán Sứ. Trước mặt là Thụy Khuê, bến xe điện cuối cùng nay không còn nữa dường như vẫn vắng vắng tiếng leng keng. Gió hất lên từ mặt hồ mát rượi

mang theo cả tiếng chuông chùa Trấn Quốc ngân nga.

- Hà Nội đẹp quá Lan ơi ! - Lần đầu tiên sau bao năm, ông thốt gọi tên bà giọng vẫn rất Hà Đông.

- Đẹp sao lại bỏ đi ?

Câu hỏi cửa vào lòng ông. Lòng người ai cũng có chỗ yếu mềm, nhiều khi được che giấu bằng những lý lẽ nguy biện để tự an ủi. May mà vẫn phải đầu tắt mặt tối, vật lộn mưu sinh. Nhưng đó là ngày thường, còn ngày giỗ, năm hết tết đến, khi không thể không nghĩ về cội nguồn thì nỗi buồn tủi của kẻ tha hương không biết cất giấu vào đâu. Kẻ ra đi bao giờ cũng nhớ nhiều hơn là người ở lại. Vì đi là mất, là chết với quá khứ thân thương của mình, cái quá khứ làm nên tâm hồn mình. Hình như nỗi ám ảnh về sự phụ bạc quá khứ khiến người ta chạnh lòng mỗi khi nghĩ đến và sợ phải gặp lại. Tình yêu cũng vậy chăng ?

- Tôi cứ tưởng bà đã quên tôi rồi ...

Trong thâm tâm ông mong như thế để lòng được thanh thản.

- Không bao giờ ...

- Nếu vậy ...giờ cho còn được khoẻ mạnh, sang năm ...

- Không cần đâu ông ... - Bà đổi cách xưng hô.

Bà hít mạnh một cái, hình như nghẹt thở giây lát, hai bờ vai rung lên từng chập, đổ một hơi thở dài cùng hai hàng nước mắt tuôn trào.

Ông Bính nhớ mãi câu hỏi của tổng đốc Hoàng Trọng Phu trước khi lên đường: *“Vì sao cháu đi ?” “ Dạ ..bẩm quan lớn, cháu thích đi xa.”* Thì ra đó là câu trả lời định mệnh. Tổng đốc ái ngại nhìn ông, cái ái ngại của người già từng trải nhìn thấu được phần đời còn lại của kẻ khác. Khi ấp mới của người Hà Đông được thành lập trên đất Đà Lạt, dân định đặt tên là ấp Hoàng Trọng Phu để ghi nhớ công lao di dân lập ấp của ông, coi như là thành hoàng vậy. Nhưng ông cảm ơn và từ chối: *“Thôi, cứ lấy tên là ấp Hà Đông để mà mai sau con cháu nhớ về cội nguồn.”*

Ôi, cái tên ấp tên làng ở xa nghe sao mà thiêng liêng quá!

Hồ đây, vẫn hồ xưa. Người đây, vẫn người cũ. Ông chưa thể chết được, sẽ lại về lặng ngời trong cái gian bếp nơi ông cất tiếng chào đời giữa một đêm mưa phùn gió bắc, để nghe tiếng chuông chùa Trấn Quốc, hồn thơ của Bà Huyện Thanh Quan, hồn thiêng của Thăng Long ngàn năm thương nhớ...

2004

BÁO HIẾU

Chồng tôi qua đời vì một tai nạn giao thông, lúc ấy tôi chưa đầy bốn mươi tuổi. Đàn bà tuổi bốn mươi thời nay vẫn được coi là trẻ, nhất là lại có chút nhan sắc như tôi. Quyết định ở vậy nuôi con của tôi quả là một sự hài hước trước con mắt của gia đình và bạn bè. Tôi đã cố gắng vượt qua mọi cám dỗ ong bướm. Thời gian không ủng hộ tôi, nhưng đã chứng minh cho tôi. Những người trước còn cười nửa miệng: *"Hãy chờ xem!"* thì nay đã thay đổi cách nhìn: *"Tôi phục bà. Đúng là có một không hai"*. Tôi phải cảm ơn đứa con trai độc nhất của tôi vì nó là chiếc áo giáp, là nguồn năng lượng để tôi có thể sống và gượng dậy được giữa cuộc đời này.

Ai sinh thành, nuôi dưỡng con cái mà chẳng mong chúng nên người, nếu không nhờ cây được khi về già thì cũng mát mặt cha mẹ. Lên năm tuổi, tôi nhờ nó lấy cái tăm, cây bút nó đều nâng bằng cả hai tay. Ai cũng bảo cháu ngoan, cô giáo thì khen học giỏi nhất lớp. Lúc ấy tôi nghĩ nó sẽ hơn người và làm nên sau này. Mười lăm tuổi nó vẫn là con ngoan trò giỏi, tôi có thể mở mày mở mặt với bạn bè, xóm giềng và hoan hỉ mỗi khi đến trường họp phụ huynh học sinh.

Bây giờ thì hết rồi, tôi không muốn ai hỏi thăm về con tôi nữa. Niềm tự hào đã bị dập tắt và nhường chỗ cho sự tủi hổ. Tôi không còn mong nó hơn người, là thần đồng thần tượng, mà chỉ mong nó được như con cái người ta, nghĩa là bình thường hoặc dưới mức bình thường một chút. Nhưng tôi biết, đó là đòi hỏi quá cao đối với nó.

Một buổi tối đang ngồi học bài tôi thấy nó cứ bồn thần, chốc chốc lại ngáp dài, tôi ngoái nhìn và giục nó đi ngủ. Nó nói:

- Có đúng là mẹ yêu con nhất trên đời này không?

Tôi hơi ngạc nhiên nhìn nó:

- Tại sao hôm nay con lại hỏi mẹ như vậy?

- Mẹ trả lời con đi đã.

- Đúng, mẹ sống cũng là vì con.

- Nếu vậy con cần năm mươi ngàn mẹ có tiếc không?

Tôi ngạc nhiên về cách hỏi của nó. Thường thì xin một vài trăm ngàn học thêm nó đều nói thẳng không phải rào đón như thế. Còn một vài đồng ăn quà thì tôi đưa nó cầm, không tự ý xin. Lấy làm lạ tôi hỏi:

- Con xin tiền làm gì?

- Mẹ đừng hỏi có được không?

Tôi nghĩ nó cũng đã lên trung học rồi, có thể là sinh nhật bạn bè, rủ rê nhau đi chơi, đôi lúc cũng phải có đồng tiền lót túi, vụn vẹo mà làm gì. Tôi đưa cho nó.

Nhoáng một cái, nó đi ra ngoài và trở về với cây sinh gôm trong tay. Lúc sau tôi thấy trong nhà có mùi gì là lạ. Nhìn vào phòng ngủ không thấy nó, tôi ngó qua khe cửa toa lét thấy tay trái nó nâng miếng giấy bạc, tay phải giữ

ngọn lửa quẹt ga ở phía dưới. Thôi, thế là chết rồi! Tôi chột nghĩ nhưng vẫn làm như không hay biết gì, lặng lẽ theo dõi. Cho đến một hôm đi làm về thấy nó trùm chăn kín đầu. Tôi lật chăn đặt tay lên trán nó. Đầu không nóng nhưng cái gân cổ cứ giật giật, nhót rãi sùi ra hai bên mép. Tôi ôm lấy đầu nó, và khóc. Đến nước này thì thôi rồi, con ơi là con. Dây vào ma túy, rồi ra nhiễm HIV thì chỉ có con đường chết. Tôi dỗ dành nó. Mẹ chỉ có một mình con, con chết thì mẹ cũng chết theo. Con nói thật đi, với mình mẹ thôi, mẹ sẽ chạy chữa cho con. Nó vừa lên cơn co giật vừa khóc hu hu: *“Biết làm sao bây giờ, cứu con với mẹ ơi!”*

Tôi nằm bẹp, khóc hết ngày này sang ngày khác. Ai khuyên can cũng không được. Khóc chán ngủ thiếp đi, dậy lại khóc tiếp. Cứ thế hai mắt tôi mờ dần. Đi khám mắt bác sĩ chuyên khoa bảo không có cách nào chữa trị được. Chỉ thôi khóc mới khỏi, cứ tiếp tục khóc thế này chắc chắn sẽ bị lòa. Tôi cố gắng không khóc nhưng nước mắt cứ ứa ra. Một hôm có đám cưới không thể dừng được, tôi phải ra khỏi nhà. Bạn bè ngạc nhiên không ai nhận ra tôi. Trang

điểm để làm gì, chỉ mấy tháng đã hóa ra thân tàn ma dại. Tôi tiểu tụy quá rồi. Tất cả cho con, vì con, con hỏng, thế là hết. Cuộc sống trở thành vô nghĩa. Trước mắt tôi, dưới chân tôi, tất cả đều chao đảo. Bao nhiêu lời động viên đều ngoài tai. Tôi không đủ sức tin vào cái gì nữa.

Đưa nó đi trung tâm cai nghiện của quân đội mười ngày, về thấy béo tốt, khỏe mạnh hẳn ra. Tôi đã mừng, tắm bổ thêm cho mười thang thuốc Bắc. Cũng chỉ được mấy hôm, (lúc này nó đã bỏ học hoàn toàn), nó hỏi tôi: *“Mẹ có năm mươi ngàn không?”* Tôi rụng rời, hai tay buông xuôi: *“Con ơi, con giết mẹ đi!”*. Nó cúi xuống mở tủ lạnh. Trong tủ nào thịt, nào trứng, sữa, trái cây...có thiếu thứ gì. Nó cầm chai nước ngọt giờ lên quá đầu, hét to: *“Có không thì bảo?!”* Tôi đứng im, chết lặng đi trong ý nghĩ, thôi thì đằng nào cũng một lần, cho mẹ đi đi cho mát. Đập vào đầu mẹ này này. Mất nó dại ra, nhưng không dám, thực tay trái vào túi tôi móc vốc tiền lẻ, nhanh như chớp phóng ra ngoài. Trời tối đen như mực. Nó sẽ đâm đầu vào ô tô mất. Ba mươi phút sau nó quay lại, giọng ngọt như mía lùi: *“Mẹ ơi, con không làm phiền mẹ nữa, mẹ*

ngủ đi cho khỏe.” Vừa nói nó vừa dìu tôi vào giường.

Tôi báo công an họ lại nói: *“Nhưng mà nó không có tiền án tiền sự, không ăn cắp ăn trộm, lý do gì bắt nó. Chuyện nội bộ gia đình đóng cửa bảo nhau.”* Tôi có quen anh công an họ khẩu, than vãn cầu cứu anh ta, nhưng vô ích. *“Nó thì đốt cả đồn, cả nhà ấy chứ.”* - Anh ta sợ nó trả thù.

“Nhàn cư vi bất thiện”. Tôi xin việc cho nó làm. Chỗ nào cũng chỉ được vài ba ngày, mà nể lắm người ta mới nhận. Một hôm nó bảo tôi: *“Bây giờ thì con hết đường thật rồi, con không còn gì để mất nữa. Mẹ phải mở đường cho con sống. Con sẽ đi buôn.”* Trong nhà có bao nhiêu tiền nong, vàng bạc, ti vi, tủ lạnh...tôi bán hết đưa cho nó. Cũng chẳng thèm hỏi nó sẽ buôn gì, đưa dễ dàng như không, bao nhiêu năm ki cốp, lúc này nhìn tiền của như củi rác, vô nghĩa quá. Miễn là nó cầm tiền và biến đi như đã hứa, để tôi được khuất mắt, nhẹ thở.

Nhưng không, nó lại về, kéo theo mấy thằng bạn, trông biết ngay chẳng phải con nhà

lành, ngưi tầm ngưi, mã tầm mã. Nó giới thiệu đây là bạn buôn của nó. Chúng xì xào ở trên gác, hình như đang đếm tiền. Lúc sau lại thấy cái mùi heroin tỏa khắp nhà. Tôi leo lên gác. Nó chặn ngay đầu cầu thang, đe dọa: “*Đã biết thì im mồm. Ho he đừng có trách!*”. Nó làm gì tôi, nó giết tôi chẳng? Một thằng nữa vừa đẩy cửa vào thì một tốp công an ập tới. Họ xộc thẳng lên gác, còng tay từng đứa lôi ra, giải lên đồn. Ba người công an ở lại tiếp tục lục soát. Căn gác chỉ bằng lòng bàn tay mà cả tiếng đồng hồ không tìm thấy cái gì. Hôm sau họ phải thả chúng ra vì không thu được tang vật. Sau này tôi mới biết, chúng thả những tép heroin vào cánh những bông hồng hàm tiểu bằng nhựa cắm ở lọ hoa. Tôi đe: “*Công an họ biết rồi, bây giờ mà còn tái diễn nữa mà chết.*” Nó cười nhạt không nói gì lên giường nằm.

Đêm hôm ấy tôi đang ngủ nó lật chăn dựng dậy. Còn đang mắt nhắm mắt mở, nó giang tay đâm thẳng vào mặt tôi: “*Đ..mẹ mày! Chỉ có mày chứ không còn ai khác!*” Đau quá, tôi bưng mặt kêu tướng lên: “*Trời ơi, nó giết tôi*

đây này!” Nó nhỏ nước bọt: “Mẹ kiếp, đúng là cùng đường, ông đi đây!”

Mấy hôm sau công an lại đến nhà, họ bảo lần này thì quả tang, bắt được nó ở gần một trường học, trong túi có mười tép. Họ hỏi tôi giờ thì nên thế nào. Tôi đề nghị đưa nó đi trại cải tạo 06. Sợ nó quá rồi, cứ thế này thì có ngày nó giết tôi thật. Tôi chỉ vào mặt mình lúc ấy còn sưng vù, bầm tím, có chỗ đã chuyển sang vàng vàng. Công an họ nhìn tôi ái ngại. Vào 06 phải có tiêu chuẩn, thần thế lắm mới vào được, về cũng tàn phế. Hay là cho đi cải tạo ở Lâm Đồng. Họ gợi ý và tôi đồng ý ngay.

Nửa năm không tin tức, tôi nhẹ cả người, mặc dù lắm lúc cũng nhớ con. Năm sau thì được tin nó trốn trại, họ tư giấy về nhà hỏi nó đang ở đâu. Nào tôi có biết, đến nhà bạn bè nó để hỏi, chúng nó bảo cứ sang Châu Thành gặp thằng Tý thì rõ, thằng Tý mà không biết nữa thì chịu. Tý cho biết nó trốn trại về Sài Gòn. Tôi nhắn nó về đi, mẹ sắp chết rồi, mẹ cũng chẳng đánh mắng con đâu.

Sau một thời gian chui lủi chắc nó đã thấm nhục. Về đến nhà nó bảo bây giờ mẹ làm

cho con cái cũi sắt, nhốt con vào như nhốt con chó ấy. Tôi nghĩ nó đã cải tà quy chính, biết thương cái người đã sinh ra nó thì cần gì cũi nữa, vả lại lúc này cũng chẳng tiền đâu mà làm cũi. Mấy ngày sau thằng Tý mang đến “tặng” một cái cũi sắt. Nó tự chui vào, khóa lại đưa chìa cho tôi. Nhục quá, nhưng biết làm thế nào. Mỗi lần nó đại tiện không khác một ca đẽ. Nó rặn đỏ cả mắt, có lần tôi phải thò tay vào, móc ra một cục bằng quả táo ta, thối ối là thối. Được đến một tháng trong cũi, một hôm nó vươn vai và nói: “*Con thương mẹ quá! Mẹ lại đây cho con sờ mái tóc mẹ một tý.*” Tôi lại gần, nó nâng mớ tóc của tôi và chảy nước mắt. Rồi nó bảo: “*Mẹ cho con ôm một cái, thế này không ôm được. Mở khóa đi mẹ!*” Tôi mở, vì nghĩ nó đã tự nguyện vào thì còn sợ gì. Không ngờ vừa ra khỏi cũi nó xô tôi ngã bổ chửng, ào ra ngoài. Tôi hô hoán lên: “*Nó xông rồi!*” Nhưng ngay sau đó nó lộn lại, mặt cắt không còn hột máu: “*Mẹ ơi! Chúng nó giết con!*” Hai thằng lực lưỡng như hộ pháp, đeo kính râm theo chân nó, lừ lừ chẳng nói chẳng rằng. “*Con nợ tiền!*” Nó rúm người như con chó sắp bị người ta đem giết thịt.

Thế rồi tôi bán nhà. Trả nợ mất một phần ba. Còn lại tôi đưa nó một nửa. Tôi đi đến một vùng xa xôi hẻo lánh để không ai tìm ra tung tích.

Nhiều năm sau, vào chiều ba mươi tết, ở một bến xe tôi vô tình gặp nó, vẫn thân tàn ma dại. Không vồn vã, cũng chẳng buồn tủi, nó nói: *“Mẹ bây giờ ở đâu, con kiếm được tiền sẽ đón mẹ về báo hiếu!”* Tôi bật cười mà như mếu. Nghĩ bụng: *“Mày thành tử phú tao mừng. Báo hiếu cho mẹ tốt nhất là đừng gặp mẹ nữa!”* Người khách đồng hành ngồi bên cạnh thấy chúng tôi chia tay nhau như hai người xa lạ liền hỏi: *“Anh ấy là con bà đấy à ?”* *“Vâng, đứa con trai độc nhất của tôi...”*

Lại nhớ hồi nó mới lên năm, hai tay nâng cái tằm đưa cho mẹ...

2004

KHÚC NHẠC CHIỀU

Phải là dân đen mới hiểu nổi. Ai lại đi xin cái giấy khai sinh cho cháu mà phải đến lần thứ tám. Lần thì còn thiếu giấy này, lần thì kêu phải bổ sung thêm giấy kia. Sao không liệt kê ra, cần những giấy tờ gì, một, hai, ba, bốn... để người ta lo một thể. Đi đi về về, lên lên xuống xuống, chạy đủ rồi lại hoành hợ công chứng. Khốn nạn, bản gốc đây chẳng đáng tin hơn hay sao.

- Nhiều kê! - Ông dần từng tiếng, cố ý cho cô văn thư nghe được.

- Ai bảo nhiều kê? - Cô văn thư ngẩng lên, bắt gặp ánh mắt nghiêm sắc của một cán bộ lão thành thì chột dạ.

- Tôi bảo đấy! - Ông nhìn xoáy vào mắt cô văn thư, thách thức.

- Văn bản đã quy định...- Cô lúng búng.

- Văn bản nào? Ai bảo phải công chứng?
Đưa đây tôi xem!

Úc quá không nhin nổi nữa, ông to tiếng. Chủ tịch phường thấy âm ỉ sang xem có chuyện gì. Biết ông đã từng là giám đốc sở, có chân trong thường vụ họ mới đầu dụ, xin lỗi giải quyết ngay. Hồi còn công tác, cấp dưới trình giấy tờ, nếu không có gì đặc biệt, ông bảo họ đợi đấy, được hay không trả lời ngay. Nhanh chóng, rõ ràng, công khai, đó là phẩm chất của những cán bộ giỏi chuyên môn, giàu năng lực và lương tâm trong sáng.

Còn nhớ cái lần Hội đồng khoa học mời ông phản biện một đề tài, phong bì đưa trước. Nhưng vì một cái phong bì mà làm ngơ trước những kết luận thiếu cơ sở khoa học thì không thể được. Ông vận thế nào mà cậu tiến sĩ tương lai đứng đực ra. Mấy vị giáo sư trong Hội đồng lúng túng đưa mắt nhìn nhau. Sau họ tổ chức bảo vệ lại, “*quên*” không mời ông.

Ông cãi cả cấp trên: Trong cuộc họp cán bộ lãnh đạo tỉnh, bộ trưởng kết luận sở ông

không làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên. Ông phản đối. Nguyên nhân chính là do bộ phân cấp quản lý không rõ ràng. Các vị chủ tịch, bí thư sợ xanh mắt, còn lờm ông nữa chứ. Nhưng cuối cuộc họp bộ trưởng phải thừa nhận ông nói thế là đúng. Từ trên bục, bộ trưởng xuống ngồi cạnh ông ở hàng ghế cuối, hạ giọng xin lỗi, ghé tai mời cơm tối. Ông cảm ơn, từ chối khéo là đã có chương trình, về nhà cơm nước với vợ con.

Ông đâu phải loại cán bộ lãnh đạo về hưu trong trường hợp cá biệt, về hưu như một hình thức kỷ luật, hoặc vội vã hạ cánh an toàn. Nói là thiếu năng lực công tác lại càng sai. Ông là phó tiến sĩ từ khi chưa có “*tiến sĩ giấy*”. Thời sinh viên ở Lô mônôxốp khét tiếng học giỏi. Các thầy Liên Xô cũ vẫn thường hỏi thăm những lứa lưu học sinh sau này: “*Cái thằng ấy bây giờ nó làm gì?*”

Ông là giám đốc sở đầy năng lực, quyết đoán mọi việc trong phạm vi quyền hạn. Trên dưới nể trọng. Ông về hưu trong sự luyến tiếc của cơ quan và đồng nghiệp. Giám đốc mới lo không đảm trách được như ông, phần vì ngấm

an ủi, muốn “*giảm sốc*” cho “*quan anh*”, mời ông làm cố vấn một thời gian. Ông gạt phất: Về là về!

Nhưng bây giờ thì ông hơi buồn. Không phải vì mất quyền. Xưa ông chỉ dùng quyền lực vào việc chung. Cũng chẳng phải vì kinh tế gia đình quá eo hẹp. Triệu rưỡi lương hưu đâu phải nhỏ. Ông luyện tiếc thời sinh viên, nghèo, học giỏi, chỉ quan tâm đến những nhu cầu tối thiểu. Với tư chất thông minh, ông lý giải được ngay tâm trạng bất an của mình, chủ yếu do không quen nhàn rỗi. Ông cứ nghĩ là mình sẽ làm việc suốt đời, làm đến khi chết, ai ngờ còn cái đận này...Sông có khúc, người có lúc. Cái giai đoạn quan tha nhưng ma chưa kịp bắt thực ra đã được báo trước. Thế mới biết thằng cha nào thâm thật, nghĩ ra cách “*vô hiệu hóa*” cán bộ, cứ trả lương nhưng không giao việc. Mới đây thôi, ông bạn về hưu trước nói với ông: “*Cứ về đi, rồi anh sẽ biết*”. Nhưng với ông ấy là sự ngậm ngùi, tiếc nuối, còn ông là người hoàn thành xuất sắc công việc, vậy mà vẫn thấy có cái gì bứt rứt, khó ở.

Ông tiếc một đồng kiến thức, kinh nghiệm tích lũy được bỗng trở nên vô dụng, giống như tủ sách cũ mà ông cầm cặp trong suốt cuộc đời nhin ăn nhin mặc. Kiến thức đâu phải có ngay được. Chuyên môn sâu, bốn ngoại ngữ: Nga, Hoa, Pháp, Đức. Uổng quá, lẽ ra nhà nước có thể khai thác được ở mình nhiều hơn. Cái cậu kỹ sư trẻ hôm nọ đấy, ở đâu đem đến cho ông catalo máy bằng tiếng Hoa nhờ dịch. Cậu ta than đã gõ cửa khắp nơi, phiên dịch là người Việt gốc Hoa hằn hoi mà chịu. Vì mỗi từ là một khái niệm chuyên môn, tra kỹ từng từ mà đọc cả câu không hiểu nó nói gì. Vào tay ông, khỏi cần từ điển, đọc đến đâu anh ta ghi đến đó, chưa đầy bốn mươi phút. Mừng quá, anh ta thù lao cho ông phong bì năm trăm ngàn. Ông nghiêm mặt từ chối, mặc dù người đó cố ép nhận, bảo là ông đã giúp công ty anh ta một việc rất lớn, nếu không máy nằm chết đấy không vận hành được. Kể không nhận cả thì cũng cầm lấy vài trăm. Bây giờ nó là công ty cổ phần rồi, đâu còn nhà nước nữa. Vả lại, chắc gì ông từ chối mà anh ta đã đem tiền về giao lại cho cơ quan. Bà trộm nghĩ, nhưng khi anh ta dúm tiền vào tay cũng đâu

dám nhận, sợ cái lừ mắt của ông. Xưa nay ông vốn khái tính, nói một là một, hai là hai. Mấy hôm sau phải đi một đám cưới. Đám cưới con một nhân viên cũ mà bà không hề biết mặt. Nếu họ quen cả hai vợ chồng thì chẳng nói làm gì, đằng này... Ông ái ngại phải chìa tay xin vợ năm chục ngàn đồng. Đành rằng lương hưu ông đưa hết cho bà, tháng nào cũng như tháng nào, không thiếu một xu, đúng như con số người phát lương ghi trên mảnh giấy nhỏ kẹp ngoài cộc tiền. Nghĩ đến năm trăm ngàn hôm trước cũng tiếc, nhưng chuyện qua rồi. Khéo phải lập “*quỹ đen*” mất.

Cầu được ước thấy. Một phóng viên báo tỉnh đến đặt bài viết về ngành của ông nhân dịp tết Nguyên Đán, ứng trước hai trăm ngàn. Rút kinh nghiệm lần trước ông nhận ngay. Bài viết tốt, ông trở thành cộng tác viên đặc lực của báo địa phương. Từ nay ông được bận rộn, thường xuyên có lý do gặp gỡ những đồng nghiệp cũ. Chẳng bù cho ngày mới về, sáng sáng ngóng xe đón đi làm theo thói quen. Nhiều khi lặng lẽ ngồi uống trà chờ một cú điện thoại. Mấy ông già hàng xóm vác bàn cờ sang gạ chơi, ông một

mực lắc đầu từ chối không biết. Ở tuổi ông hiếm người chưa sạch nước cản, nhưng nó mất thì giờ. Nước đời bày ra đầy chả tính lại đi tính nước cờ. Mà giữa nước cờ và nước đời là một khoảng cách xa.

Có hôm đi lang thang một vòng quanh phố. Anh xe ôm mời lên hỏi ông định đi đâu, ông nghĩ mãi không ra, bảo muốn đến thăm ông bạn già mới về hưu nhưng lúng túng địa chỉ. Ông thú thực mọi khi ngồi xe con, tài xế nhớ đường hộ, nào ngờ đi bộ xa quá. Người lái xe ôm đưa đến tận nơi. Thì ra ở cái thị xã này, giám đốc nào về hưu, lý do gì, đã xây nhà mới hay ở tập thể, đều không qua mắt họ. Chưa hết, quệt về anh ta xích xe đến tận cửa, tự giới thiệu là hàng xóm của ông. Cứ họp tổ dân phố vài lần rồi sẽ quen. Anh ta nói vậy, cười không nhận tiền, bảo là mừng ông mới hưu, "*từ thiện*" một tua xe ôm miễn phí.

Bây giờ với danh nghĩa "*nhà báo*", ông có lý do chính đáng lui tới các cơ quan. Hồi mới về, ông qua cửa cơ quan mình mà thường trực hỏi: "*Nay bác đến có việc gì?*" Ở hay, chẳng nhẽ

nói vào chơi. Hồi đương chức ông chúa ghét trà lá mất thì giờ. Nay đến chủ tịch tỉnh gợi ý có ông thứ trưởng đang ở Sài Gòn muốn lên thăm, du lịch luôn thể. Ông nói ngay: *“Thứ trưởng có việc thì lên mà không thì thôi”*. Thành thử cái câu hỏi vu vơ, thậm chí là sự quan tâm của người thường trực đã vô tình chạm lòng tự ái của ông.

Về hưu chưa phải là bỏ đi, song cái uy không còn. Những việc làm giờ đây chỉ có giá trị với chính mình, hết phán quyết có ý nghĩa xã hội dân sinh, chí ít tới sinh mạng chính trị, công ăn việc làm của những người dưới quyền. Chữ ký cũng chỉ để lĩnh lương hưu. Nửa đời trong quân ngũ, nửa đời làm cán bộ vất vả vì nước vì dân, giờ chỉ lo cho mình, nghĩ mà buồn. Được nghỉ ngơi, ngừng làm việc mà trí nhớ lại giảm. Chỉ một chuyện vặt làm ông bức mình mấy ngày liền:

Vợ ông về mất sức đã lâu. Bà mở quán tại nhà, bán đồ khô, bánh kẹo, thuốc lá, mì ăn liền, gói tắm, bao diêm... cho hàng xóm qua cửa sổ. Mọi khi, sáng sáng ông xách ca táp ra xe đi

làm thì bà đóng cửa ra chợ mua hàng. Bây giờ có ông bà mở sớm nhờ ông trông hộ. Đã dặn đi dặn lại là cái gì nhớ chắc giá thì bán, bằng không thì thôi, mà ông cứ nhăm hoài. Bán giá cao khách giãy nảy, thấp họ im. Mấy đứa trẻ hỏi mua thứ kẹo mà chúng gọi tên ông không sao hiểu nổi, chỉ lọ này cũng lắc, hũ kia cũng lắc, ông bực mình bảo vào quầy tự tìm lấy. Đến lúc chúng tìm được, ông hỏi loại này thường mua bao nhiêu, chúng bảo một trăm, rồi xúm đến vét hết cả lọ. Về bà tức quá, nói một trăm là một cái, đằng này gói mười cái là đi một ngàn.

- Mua vào đã tám trăm rồi, giao hàng cho ông thế này thì có ngày sập tiệm.

- Đẹp! Đẹp. - Ông nổi nóng. - Buôn với chả bán. Bao thuốc lá lãi được hai điều. Buôn thế buôn làm gì?

- Được hai điều đã phúc. Lãi một điều cũng phải bán. Sao ông không nhịn thuốc đi. Lương hưu ông cao, ông coi thường được. Tôi thì phải nhặt nhanh, vừa bán hàng vừa đan len vẫn còn chưa đủ sống đây.

Bà sụt sịt rồi òa khóc, tức tưởi như một đứa trẻ. Nước mắt nhót nhát hai gò má, vừa khóc bà vừa kể lể, cũng vì chồng vì con mà bà phải chịu về mất sức. Bắt đầu từ tháng này người ta cắt hết trợ cấp rồi. Bà hu hu úp hai bàn tay lên mặt. Tính toán chi lý không phải bao giờ cũng xấu, nhiều khi là biểu hiện của sự lo toan, tình thương yêu chân thành. Nghĩa vợ chồng “*xuống khe bắt cá lên ngàn hái dâu*”, hai cuộc kháng chiến đủ thử thách, chứng minh cho tình thương yêu, đức hy sinh vì chồng vì con của bà. Biết bao kỷ niệm buồn vui nhớ đời mà chỉ có chết mới quên được. Nhưng bà kể lể nhiều quá, ông mệt, không nói nữa lời, vào giường nằm vắt tay lên trán.

Những lúc buồn ông thường dở Kiều ra đọc. Trong tủ sách khoa học đồ sộ của ông chỉ lọt vào mỗi một cuốn sách văn học duy nhất: Truyện Kiều. Ông không biết mình thuộc bao nhiêu câu, song hễ ai đọc câu trước là ông đọc nối câu sau, chưa bao giờ bí. Mới tham dự câu lạc bộ thơ hữu trí có một lần mà ông đã dấy lên không khí học thuật. Các cụ mời ông nói chuyện Kiều. Truyện Kiều ư? Đó là chuyện văn,

chuyện đời, nói gì đây. Thôi, hãy bàn đến một chữ trong Truyện Kiều “*Trong như tiếng hạc bay qua/ Đục như nước suối mới sa nửa vời*”. Đục như “*nước*” suối hay đục như “*tiếng*” suối? Có cụ bảo là “*nước*” , cụ lại khẳng khẳng là “*tiếng*”, ai cũng đưa ra lý lẽ có tính thuyết phục. Một bà khăng định trong sách Ngữ văn của cháu ngoại đang học phổ thông in là “*nước*”. Sách giáo khoa là chính xác nhất, không thể sai được. Ông quyết định “*phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông*”.

Với thói quen của người làm khoa học, ông biết nên bắt đầu từ đâu. Ông kẻ một bảng có nhiều cột: Nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản, người khảo đính và chú giải... “*nước*” hay là “*tiếng*”, ông chỉ ghi một chữ ở cột cuối cùng. Đến thư viện ông viết phiếu yêu cầu: “*Tất cả các bản Kiều có trong thư viện*”. Cô thủ thư ngạc nhiên mỉm cười, chiều ông tìm lục bằng đủ bày ra trước mặt. Năm phút sau ông trả lại: “*Xong! Cám ơn*”. Sau đó ông tìm đến các nhà quen, đặc biệt những người yêu văn nghệ của câu lạc bộ hưu trí, cũng vẫn để điền vào mấy cái cột trong bảng đã kẻ. Nhiều cụ hào hứng ép

ông mang sách về có thời gian bình tĩnh mà nghiên cứu, nhưng ông một mực từ chối. Ghi chép xong trả ngay. Sách là phải như thế, cho đem đi thì dễ, lấy lại khó lắm, chẳng may ông chết thì sao, trả luôn khỏi phải nhớ. Kỹ tính đến thế là cùng, có cụ trách, có cụ giận, có cụ lại lấy làm thích thú. Ông tiếp tục viết thư, gọi điện thoại cho những người bạn xa công tác trong ngành văn hóa, các thầy dạy phổ thông... để bổ sung, xác minh lại. Ông hoàn thành việc tra cứu với hết khả năng. Hôm báo cáo ông mở đầu: *"Trong phạm vi thông tin cho phép..."* Người nghe cười ồ, đúng là báo cáo Truyện Kiều của một tiến sĩ vật lý. Kết thúc bài nói có một "cô" ngoài năm mươi (!) lên tặng hoa cho ông. Cô mặc áo dài màu hoàng yến cứ hao hao cô bạn thời sinh viên của ông, từ giọng nói đến dáng đi. Sao lại có những người giống nhau đến thế. Nhất là động tác vén vạt áo dài tưởng chừng như sắp bay lên ấy rồi mới ngồi vào ghế. Câu lạc bộ hưu trí là gia đình, là tổ ấm của những người cùng thời, những người có chung niềm vui, nỗi buồn, dễ cảm thông và chia sẻ. Cụ ông, cụ bà như trở lại mỗi khi gặp gỡ. Cô hứa tặng

ông một cuốn Kiều xuất bản năm 1963 của nhà xuất bản Khai Trí. Ông cho cô địa chỉ, nhưng nghĩ thế nào lại bảo tốt nhất lần sinh hoạt sau cô mang theo.

Chuông điện thoại reo, bà nhắc máy đưa ông, về mặt thăm dò.

- À ố?

- ...

- Mang đến câu lạc bộ có hơn không?

- ...!

Rách việc rồi, ông mệt mỏi đứng lên rửa ly tách.

- Ai thế ông? - Bà hỏi.

- Một bà ở câu lạc bộ hưu.

Vừa đặt máy thì màu hoàng yến rực rỡ sáng lên ngoài cửa. Đột nhiên ông lúng túng. Bà khách nói cười vui vẻ, giải thích là tiện thể có việc ở nhà bên cạnh, đem sách đến luôn. Cuốn Kim Vân Kiều khổ to, bìa long, dán chằng chịt như vá, giấy đã ngả màu nâu nhạt, có trang vụn ra từng mảnh nhỏ. Bản này cũng viết “Đục

như nước suối...”, còn dịch sang Anh ngữ dưới mỗi trang.

- Đây là cuốn do Lê Xuân Thủy khảo đính và chú giải... - Bà khách chậm rãi. - nhưng chắc cũng dựa theo bản của Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim.

Cao hứng khách ngâm luôn một câu ở trang bên phải vừa mở hủ họa. Vợ ông lấy làm lạ có bà khách lần đầu đến nhà mà tự nhiên quá. Ông xòe tay ngăn lại ra dấu thôi đừng ngâm ở đây. Bà đứng lên bật tivi đúng lúc phát chương trình thơ câu lạc bộ hữu trí. Ông giục tắt, bà chưa kịp thì... ô kìa, cô áo dài màu hoàng yến xuất hiện, tặng hoa cho ông. Rờ một tuột khỏi tay bà rơi xuống. Giọng ngâm đột nhiên oang lên. Bà làm cái gì vậy, ông nhặt rờ một điều chỉnh nhỏ lại nhưng không được, càng to, tức mình chạy lại rút phích điện. Bà khách biết ý đặt vội ly nước xuống bàn xin phép cáo từ.

- *“Đàn ông chớ kể Phan Trần...”*

Bà bỏ lửng đưa mắt nhìn ra ngoài. Ông hiểu còn câu tiếp theo: *“Đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều”*. Câu này cụ Huỳnh thường nói.

Cụ cho cô Kiều là lãng nhãng, dĩ thỏa, con gái không nên đọc Kiều.

Ông kể lại chuyện này với người bạn về hưu trước. Ông ta cười sảng sặc: “*Thơ hay là phải tan cửa nát nhà. Tôi đã bảo cứ về đi rồi ông sẽ biết*”. Chương một của người “*tập hưu*” là đối mặt với đời thường. Chương hai nữa, như ông ta bây giờ, bà vợ đi trước rồi, con cái xa, còn trở lại một mình, lúc ấy mới thấy những ngày cuối cùng vợ chồng bên nhau quý giá biết nhường nào. Bây giờ đối mặt với sự cô đơn, chờ chương ba, đối mặt với cái chết nữa là xong.

Bà đang buồn. Thảo nào mà ông say mê nghiên cứu Truyện Kiều. Bà không thể trẻ lại được nữa, không thể như cái cô áo vàng hôm nọ. Mặc dù ở tuổi ấy chắc đã ai ăn ai. Mình là đồ vật cũ không thể thanh lý như các ông thường nói đùa với nhau thật ư? Ngày nào cũng như ngày nào, bà vẫn ngồi đấy đan len, bán hàng lù lù trước mặt ông. Còn công tác, ban ngày ở cơ quan, tối về lại thấy mới mẻ. Giờ thì 24/24, ông chán rồi chẳng? Cái nghĩa mãi dày lên, còn tình thì đi đâu, khi đời sống tình dục

gần như bão hòa và cặp vợ chồng khác giới sau một đời sống chung đã quá hiểu nhau đến nỗi trở thành ruột thịt?

Lạ thật, cửa sổ đóng im ỉm, cửa ra vào khóa ngoài, anh xe ôm cho biết thấy bà đi về phía Cam Ly. Có lẽ đi thăm bà bạn già đau yếu gì chẳng, ông nghĩ. Quá trưa thì hơi chột dạ, và đến chiều, sự lo lắng trở thành sợ hãi. Ông hốt hải đến nhà người quen ở Cam Ly. Họ nói bà có tật vào chơi năm mười phút gì đó rồi bắt xe ôm đi Suối Vàng ngay. Ông ra Suối Vàng, tâm trạng hoảng hốt, linh tính mách bảo điều gì chẳng lành.

Chiều tà, hoàng hôn nhợt nhạt không thắng nổi gió lạnh, ông rùng mình nhận ra bà đứng cheo leo trên vách đá lưng chừng ta luy suối. Tay bám vào cành thông, ngả người, mái tóc bạc xõa xuống dòng nước. Lúc này một tiếng gọi to có thể làm bà tuột tay cuốn theo dòng. Phút hệ trọng người ta có thể biến thành người khác, ông tiến sát gần bà với những bước chân của kẻ đi săn. Cành thông gãy rắc, ông chộp lấy tay bà đúng lúc, kéo lại ghì chặt vào vách đá.

- Xì... Lại còn cô nào.

Ông véo tai bà:

- Chỉ được cái nói đại. Nào đã biết ai đi trước...

2004

DIÊU BÔNG CỦA CHÀNG

Kính tặng Gs Ts Đỗ Tất Lợi

Ngày ấy, tốt nghiệp được sĩ Đông Dương chàng mới 28 tuổi, hai năm sau thì kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Chàng vét đến những viên Dagenan cuối cùng gói gém lại theo Việt Minh lên vùng tự do. Rừng thiêng nước độc trở thành thân thuộc, đầy sức quyến rũ. Cái danh hiệu “*bà hàng lá tân thời*” mà đồng nghiệp gán cho chàng chẳng những không làm chàng xấu hổ mà giờ đây có phần tự hào. Đóng quân ở đâu chàng cũng lân la làm quen với các ông lang bà mế, thầy cúng thầy mo để học lỏm những bài thuốc dân gian, lần mò vào rừng sâu tìm cây con làm thuốc.

Cuộc kháng chiến trường kỳ là cơ hội cho chàng đi điều tra cây thuốc dài ngày. Cơm nắm đường rừng, chàng vừa đi vừa tâm niệm những lời vàng ngọc của danh y Tuệ Tĩnh: *“Tôi tiên sinh học đạo tiên sinh, thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt!”* Cây thuốc tràn trên mặt đất, ngập trong rừng sâu, dày đặc mỗi bước chân đi. Kiến thức Đông y như vốn sống nhân gian, mỗi bài thuốc như một câu ca dao tục ngữ, một làn điệu dân ca lưu truyền đời đời, song nó tản mát và cũng rất dễ bị thất truyền, cần được gom lại.

Chàng gấp tờ giấy dang cứng ráp màu nâu nhạt, nhấm nước bọt kéo lên môi, đoạn xé thành từng mảnh vừa túi áo để tiện ghi chép và lưu giữ dọc đường hành quân. Hôm đó chàng mừng rỡ được thầy mo tiết lộ một cây thuốc chuyên trị sốt cao nhưng lại có thể đắp ngoài để sát trùng cầm máu rất tốt. Phải báo ngay cho bác sĩ Ngạn mới được. Trăng hạ tuần đã quá đỉnh đầu chàng mới lần về đến nhà, vai áo ẩm sương đêm. Người gác hỏi trống không: *“Sao giờ này mới về?”*. Sáng ra họ xì xầm to nhỏ, nhìn chàng tỏ ý nghi ngờ.

Niềm say mê khiến chàng vô tư, quên cả những người xung quanh đang nhìn mình bằng ánh mắt thế nào. Ngày ấy những trí thức đi theo cách mạng như chàng ắt không phải thành phần cốt cán. Họ bị liệt vào loại “*tạch tạch xè*” (T.T.S: tiểu tư sản) với lập trường bấp bênh, không triệt để cách mạng, dễ hoang mang giao động. Thế nên quan hệ với thầy mo thầy cúng là điều không thể bỏ qua. Ngày đó có ba điều đáng sợ, có khi làm khổ người ta suốt đời, như một cái án treo: “*Chính trị bất minh*”, “*kinh tế bất minh*”, “*quan hệ bất minh*”. Chàng theo cách mạng là vì màu cờ sắc áo, còn về vật chất là mất hết, mất ngay từ đầu, chứ bần cố nông, đội quân chủ lực của cách mạng thì có gì để mất, ngoài xích xiềng? Lẽ ra họ phải biết quý trọng chàng.

Một lãnh đạo nhìn mắt chàng, hỏi:

- Đem qua anh nói những gì?
- Tôi chẳng nói gì cả. Tôi đi tìm cây thuốc.
- Không, gần sáng trông lúc ngủ kia!

Về sau chàng mới hay, thì ra trong lúc ngủ mê một chàng lắm nhảm tên La tinh của cây thuốc vừa phát hiện được, xen lẫn tiếng Tây, tiếng Nùng, đều là tên cây mà đồng bào địa phương quen gọi. Chàng thanh minh mãi không được, họ vẫn khẳng khẳng: “*Vô lý lại xỏ ra một tràng tiếng Pháp (!)*”. Phải nâng cao cảnh giác, đề phòng những phần tử phản động chui sâu, leo cao. Chết thật, theo Cụ Hồ chàng đâu sợ khổ, nhưng hình như họ vẫn chưa tin, “*kính nhi viễn chi*”, coi mình là khách của cách mạng.

Một giọng hát cất lên giữa rừng chiều: “*Hà Nội ơi! Hương về thành phố xa xôi, ánh đèn giăng mắc muôn nơi, áo màu tung gió chơi vơi./ Hà Nội ơi! Dáng huyền tha thướt mê mê, tóc thề thả gió lê thê, biết đâu ngày ấy anh về...*” Giọng ca mỗi lúc một tha thiết, đắm say khiến lòng càng day dứt. Chàng nhớ cô hàng xén Hàng Đào với quan niệm: “*Phi cao đẳng bất thành phu phụ*”. Được sĩ tân khoa chưa kịp hỏi đã khoác ba lô lên đường. Vận nước đến, khi trong đầu ngự trị hai tiếng “*Tổ Quốc*” thiêng liêng, con người ta trở nên cao thượng và lãng mạn vô

cùng. Vua Bảo Đại trao ấn kiếm cho cách mạng với lời thoái vị bất hủ: *“Trẫm thù làm dân của một nước độc lập còn hơn làm vua của một nước nô lệ!”*. Và cô hàng xén Hàng Đào suốt ngày ngồi nhặt nhạnh từng xu tháo đôi hoa tai thả vào đỉnh đồng quyền góp trong *“Tuần lễ vàng”*. Thiếu đôi hoa tai mà hình như lại đẹp ra. Ai cũng đẹp khi biết hy sinh cho kẻ khác.

Nàng như đang đứng trước mặt chàng, thật gần. Xiết xanh-tuya Nhật bó lấy hai vạt áo veston Bùi Huy Nhượng rồi đứng đuồn ra như cây chuối hột nhìn nàng. Nàng lóng ngóng gấp ve áo vào trong cho chàng, cài kim băng, bẻ phần cổ trên dựng lên, đính thêm hai cầu vai cho ra vẻ Vệ quốc đoàn. Ghé môi cắn chỉ, nàng liếc chàng mắt sắc như dao. Hơi thở ấm phả lên cổ chàng. Chàng vẫn ngây như cây gỗ, chỉ một vòng tay thôi, nhưng chàng không làm được. Cả khi nàng giơ hai cánh tay trắng ngần sửa lại mũ ca lô màu kaki coi chàng vẫn không nhúc nhích. Cuối cùng, nàng thở dài khoanh tay dưới khuôn ngực tròn đầy nồn nà ngấm chàng: *“Ra đáng anh “vệ túm” lắm rồi!”*. Chàng đưa nắm tay ngang thái dương hô to: *“Hẹn ngày độc lập!”*

Thế là chàng từ biệt nàng, bỏ lại Pharmacie trống rỗng giữa trung tâm Hà Nội, ngay bờ hồ Hoàn Kiếm.

Ở chiến khu các đồng nghiệp thường tìm đến nhau. Chàng định giới thiệu một cây thuốc cầm máu thì bác sĩ Ngạn mặt buồn rười rượi:

- Họ nghi tôi là Việt gian...

Chàng ái ngại nhìn ông:

- Ông nói thật đi, có phải họ vẫn cho ông dùng cửa gỗ để cửa xương thương binh là cố tình gây tử vong?

- Đó là cách tốt nhất trong trường hợp bất khả kháng của tôi.

- Thì đã đành...

Hai người đứng dưới bụi mai bên bờ suối, chợt bác sĩ Ngạn nhìn trước nhìn sau, hạ giọng:

- Anh thông cảm cho tôi... Thôi đành giữa đường dứt gánh, bội nghĩa với Cụ Hồ!

Những lời cuối cùng như tắc nghẹn trong cổ họng. Chưa dứt câu Ngạn quay đi, chiếc mũ lá tụt xuống lưng làm cho cái quai bằng dây gai lẳng nhẳng cửa ngang cổ. Bác sĩ cứ để yên như

thế khuất sau bụi mai. Hình ảnh cuối cùng của người đồng nghiệp còn in trong mắt chàng.

Không ngờ bác sĩ Ngạn dính tê thật.

Dính tê là bỏ vùng tự do về vùng giặc tạm chiếm. Như thế là đào ngũ, là phản bội. Hai tiếng “*phản bội*” làm chàng rùng mình xấu hổ. Nhớ lần ở Việt Bắc, Cụ Hồ hỏi bác sĩ Tôn Thất Tùng:

- Không có bác sĩ Tùng nhân dân có sống được không?

- Được ạ, thưa Bác - Tùng trả lời.

- Thế bác sĩ Tùng không có dân có sống được không?

...!

Thật ngắn gọn mà sâu sắc quá. Sự nghiệp nghiên cứu, sử dụng thuốc Nam của chàng càng không thể xa dân, nó là sự đúc kết của nhiều thế hệ. Chàng ngửa mặt nhìn núi rừng, tự nhiên lại thấy ánh mắt Cụ Hồ. Cụ ở đâu đó cùng Trung ương Chính phủ giữa núi rừng chiến khu này. Cụ đến với mọi người trong những phút vui buồn và cảm thông tất cả. Lời kêu gọi toàn

quốc khắng chiến vang trong không trung: *“Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ một lần nữa!”* Đúng, giành được nước rồi, nhất định không chịu nô lệ một lần nữa. Khi cầm lá phiếu bầu cử Quốc hội lần đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chàng cũng đã thầm nghĩ như vậy. Chàng cúi xuống đất, hài lòng với đôi guốc mộc tự đẽo lấy của mình. Guốc gỗ vông đi sướng thật, vừa nhẹ, vừa bám đất, ít tiếng động, không sợ trơn trượt. Quai guốc cắt ra từ thắt lưng lính Nhật, sợi se, bền và thoáng. Hình như cái giản dị mộc mạc của Cụ Hồ lây sang người khác.

Trăng lên trong tiếng côn trùng ran ran bản hợp xướng bất tận. Sương đất lành lạnh dâng đầy. Suối róc rách chảy quanh. Chàng dừng lại dưới bụi mai xanh biếc giờ đen sẫm như mực, hướng về Việt Bắc, nơi có những đỉnh núi chập trùng im phăng phắc. Chàng nhìn không chớp, núi cũng thôi miên lại. Hồn thiêng đất nước là đây. Núi rừng nói trong vô ngôn. Vầng trăng sáng bạc trên đầu. Khi tâm hồn tràn ngập một tình cảm lớn thì những ý nghĩ nhỏ

nhật, tâm thường tự nhiên biến mất. Chàng chấp hai tay lạy núi rừng, vái mấy vái, đoạn quay gót lại nhà, một túp lều tranh vách nữa.

Tại sao ta không có lời khuyên nào đối với bác sĩ Ngạn? Sống với campagnard (nhà quê) đôi lúc cũng khó chịu thật. “*Tạch tach xè*” có cái dễ chịu của “*tạch tach xè*”. Bí quyết của chàng là hãy coi những lời xì xầm sau lưng như không có. Tiếc cho bác sĩ Ngạn. Chàng gấp tờ báo Cứu Quốc đặt lên chiếc chõng tre, ngồi vẽ mấy cây thuốc dưới ánh sáng nhờ nhờ của ngọn đèn chai treo lơ lửng. Những mảnh giấy dang bằng bàn tay xếp đầy mãi lên, căng phồng túi áo ngực. Chàng gói thành từng gói, bọc lá chuối khô để trong chum như người ta thường tích trữ thuốc Lào. Mấy ông “*campagnard*” càng nghỉ. Đêm đêm chàng gò lưng trên chiếc chõng tre bên ngọn lửa bếp bập bùng, nhập nhoạng, có lúc thiếp đi

Chàng thấy mình đuổi theo bác sĩ Ngạn, vừa chạy vừa gọi. Chàng qua phà Trung Hà, Ba Vì hiện lên sừng sững. Từ đấy về Hà Nội chỉ còn 42 cây số nữa, đường nhựa phẳng lì, xe Con

Cốc bon bon không đầy tiếng đồng hồ. Lại đôi mắt cô hàng xén! Rồi sấm chớp. Mưa. Mùi xăng ô tô. Đèn pha sáng lóa trong sương mù. Một tiếng hô lớn: "*Haut la main!*" (Giơ tay lên!). Chàng ôm chặt ngực áo căng phồng tập giấy ghi chép. Đoàn! Choàng tỉnh, hai tay chàng vẫn khư khư ôm lấy ngực. Người nằm cạnh giật mình ngồi phắt dậy. Chàng móc tập giấy trong túi áo, vuốt phẳng phiu: "*Nếu tôi có mệnh hệ gì... hãy chuyển cái này cho bộ môn Dược Liệu Trường Đại Học Y Dược Hà Nội!*".

Nhưng trời phù hộ, sau chiến thắng Điện Biên, năm cửa ô đón chào chàng trở về. Những mảnh giấy dang bằng lòng bàn tay ấy trở thành cuốn sách nghìn trang: "*Những Cây Thuốc Và Vị Thuốc Việt Nam*". Một viên ngọc quý, cẩm nang, từ điển cho những ai quan tâm đến lĩnh vực này. Chàng ôm cuốn sách trong tay như ôm cuộc đời mình.

Bao chàng trai theo nhà thơ đi tìm lá diêu bông mong đến với tình yêu đôi lứa. Còn chàng, theo Cụ Hồ tìm cây thuốc đã gặp một tình yêu lớn!.

2005

MỤC LỤC

	Tr.
Biệt thự Tithonia	5
Mất tượng nhà mồ	16
Vua rắn	26
Minh tinh màn bạc	35
Kỳ phùng địch thủ	46
Vàng vẫn là vàng	55
Người thường gặp	63
Bạn cũ	70
Sóng Tây Hồ	85
Báo hiếu	98
Khúc nhạc chiều	108
Diêu bông của chàng	126

KHÚC NHẠC CHIỀU

Chu Bá Nam

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN PHAN HÁCH

Biên tập: **THANH VÂN**

Kỹ thuật vi tính: **NGUYỄN DŨNG**
Tranh bìa: **NGUYỄN PHÚC THƯỜNG**
Trình bày & sửa bản in: **TÁC GIẢ**

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel & Fax: 8 222 135

Số lượng in 1.000 bản, khổ 13 x 19cm
Tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt
Số xuất bản: 6 - 818/XB-QLXB, ngày 01.6.2005
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2005

Tác phẩm chính:

✦ Ngoài phòng thí nghiệm -

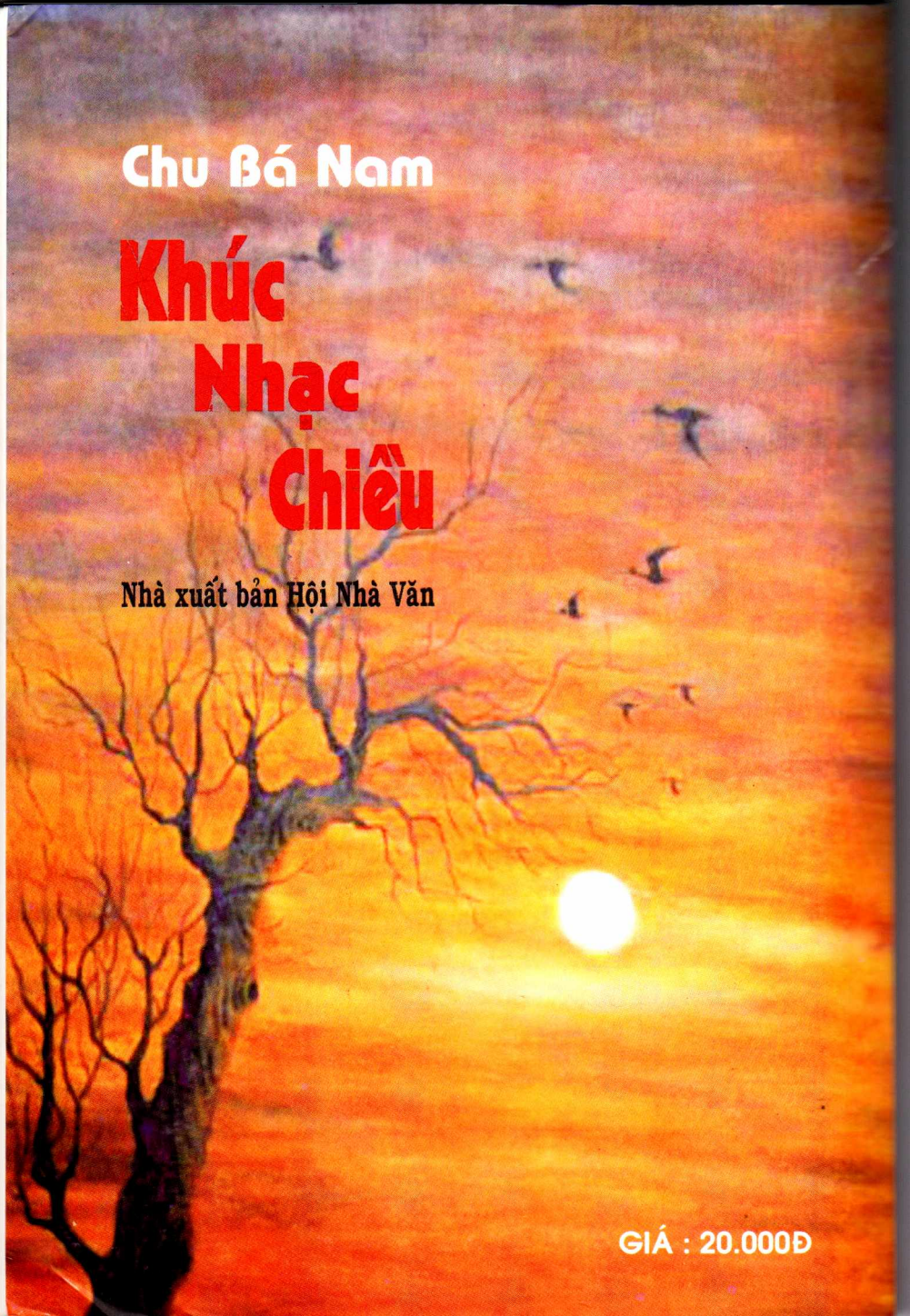
Tiểu thuyết

Giải nhất Cuộc vận động
Sáng tác "Hình ảnh người
cán bộ y tế trong chiến
tranh" do Bộ y tế phối hợp
với Hội nhà văn Việt Nam
tổ chức 1972 - 1974.

✦ Chốn sương mù -

Truyện và ký - 2000.

Tái bản 2003.

The background of the cover is a painting of a sunset or sunrise. The sky is a mix of orange, yellow, and red. A large, bright white sun is positioned in the lower right quadrant. On the left side, there is a dark, leafless tree with many thin branches reaching upwards. Several small, dark birds are scattered across the sky, appearing to fly.

Chu Bá Nam

**Khúc
Nhạc
Chiều**

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn

GIÁ : 20.000Đ